

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2023, ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 24/ 02/2023 của UBND tỉnh)***I. ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
A	KHU VỰC ĐÔ THỊ			
1	10 tháng 3	Nguyễn Chí Thanh	Phan Bội Châu	1,50
2	30 tháng 4	Phan Bội Châu	Phan Huy Chú	1,50
3	A Dừa	Lê Duẩn	Sấm Bรัมย์	1,50
4	A Mí Đoan	Đầu đường (Thửa 10; TĐĐ số 9 phường Tự An)	Hết đường (Hết thửa 208, 217; TĐĐ số 82)	1,50
5	A Tranh	Y Nuê	Lê Chân	1,50
6	Ama Jhao	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương (Nối dài)	1,50
7	Ama Khê	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1,50
		Hùng Vương	Hết đường (Hết thửa 24, 25; TĐĐ số 17)	1,50
8	Ama Pui	Nguyễn Công Hoan	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
9	Ama Quang	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
10	Ama Sa	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
11	An Dương Vương	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1,50

		Phan Đình Phùng	Hết đường (Hết thửa 1; TĐĐ số 24 và hết thửa 219; TĐĐ số 39)	1,50
12	Âu Cơ	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Siu Bleh)	1,50
13	Bà Huyện Thanh Quan	Lê Duẩn	Sấm Bẳm	1,50
14	Bà Triệu	Lê Thánh Tông	Nguyễn Công Trứ	1,50
15	Bạch Đằng	Số 91 Giải Phóng	Hẻm 53 Giải Phóng	1,50
16	Bế Văn Đàn	Bùi Hữu Nghĩa	Lê Duẩn	1,50
17	Bùi Huy Bích	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng	1,50
		Đình Tiên Hoàng	Hết đường (Hẻm 59 Nguyễn Du)	1,50
18	Bùi Hữu Nghĩa	Mai Hắc Đế	Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23; TĐĐ số 22)	1,50
		Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23; TĐĐ số 22)	Hết đường (Đến thửa 30, 42; TĐĐ số 22)	1,50
19	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Ama Khê	1,50
20	Cao Bá Quát	Trần Văn Phụng	Trần Nhật Duật	1,50
21	Cao Đạt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường (Đường Y Som Êban)	1,50
22	Cao Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1,50
23	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1,50
24	Cổng Quỳnh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
25	Chế Lan Viên	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
26	Chu Huy Mân	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50

27	Chu Mạnh Trinh	Mai Hắc Đế	Hết đường (Hết thửa 150; TBD số 13)	1,50
28	Chu Văn An	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
		Lý Thái Tổ	Hà Huy Tập	1,50
29	Chu Văn Tấn	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1,50
30	Cù Chính Lan	Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 14 Cù Chính Lan	1,50
		Hẻm 14 Cù Chính Lan	Hết đường (Hẻm 53/15 Lê Duẩn)	1,50
31	Dã Tượng	Làng văn hóa dân tộc	Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	1,50
		Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 68, 87; TBD số 40)	1,50
32	Dương Văn Nga	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1,50
33	Đào Doãn Dịch	Phan Bội Châu	Thủ Khoa Huân	1,50
34	Đào Duy Anh	Võ Văn Kiệt	Hết thửa 21; TBD số 90	1,50
		Hết thửa 21; TBD số 90	Hết đường (Hết thửa 52; TBD số 90 và hết thửa 626; TBD số 55)	1,50
35	Đào Duy Từ	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 41, 56; TBD số 11)	1,50
36	Đào Tấn	Trần Văn Phụ	Trần Nhật Duật	1,50
37	Đặng Dung	Nguyễn Đình Chiểu	Y Út Niê	1,50
38	Đặng Nguyên Cẩn	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1,50
39	Đặng Tất	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50

40	Đặng Thai Mai	Phan Chu Trinh	Đặng Dung	1,50
41	Đặng Thái Thân	Mai Hắc Đế	Hẻm 40 Đặng Thái Thân	1,50
		Hẻm 40 Đặng Thái Thân	Giải Phóng	1,50
42	Đặng Trần Côn	Mai Hắc Đế	Hết đường (Đường Đồng Sỹ Bình)	1,50
43	Đặng Văn Ngữ	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1,50
		Săm Bẳm	Hết đường (Thửa 107; TBĐ số 25)	1,50
44	Đặng Vũ Hiệp	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1,50
45	Điện Biên Phủ	Nguyễn Công Trứ	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 146; TBĐ số 6)	1,50
46	Điều Văn Cải	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Săm Bẳm)	1,50
47	Đinh Công Tráng	Quang Trung	Hết số nhà 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TBĐ số 11)	1,50
		Hết ranh giới số nhà 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TBĐ số 11)	Nơ Trang Gùh	1,50
48	Đinh Lễ	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1,50
49	Đinh Núp	Ama Khê	Y Ni Ksor	1,50
50	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Công Trứ	1,50
		Nguyễn Công Trứ	Phạm Hồng Thái	1,50
		Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	1,50
51	Đinh Văn Gió	Y Ni K'sor	Hết đường (Hết thửa 107, 237; TBĐ 11)	1,50

52	Đoàn Khuê	Nguyễn Chí Thanh	Tôn Đức Thắng	1,50
53	Đoàn Thị Diễm	Lý Thường Kiệt	Tịnh xá Ngọc Quang (Thửa 102, TĐĐ số 8)	1,50
54	Đỗ Nhuận	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1,50
55	Đỗ Xuân Hợp	Y Moan Êñuôl	Mười Tháng Ba	1,50
56	Đồng Khởi	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1,50
		Hà Huy Tập	Y Moan Êñuôl	1,50
		Y Moan Êñuôl	10 tháng 3	1,50
57	Đồng Sỹ Bình	Giải Phóng	Hẻm 40 Dương Văn Nga	1,50
58	Giải Phóng	Lê Duẩn	Y Ngông	1,50
59	Giáp Hải	Hải Triều	Trần Quang Khải	1,50
		Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
60	Hà Huy Tập	Lê Thị Hồng Gấm	Đồng Khởi	1,50
		Đồng Khởi	10 tháng 3	1,50
		10 tháng 3	Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	1,50
		Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1,50
61	Hai Bà Trưng	Nơ Trang Long	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
62	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1,50
63	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1,50
64	Hàm Nghi	Phan Bội Châu	Lê Công Kiều	1,50

65	Hàn Mặc Tử	Lê Quý Đôn	Đoàn Khuê	1,50
66	Hàn Thuyên	Trần Phú	Hết đường (Thửa 113; TBĐ số 13)	1,50
67	Hoàng Diệu	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Trãi	1,50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1,50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1,50
68	Hoàng Đình Ái	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Viết Xuân	1,50
69	Hoàng Hoa Thám	Phan Bội Châu	Y Nông	1,50
70	Hoàng Hữu Nam	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1,50
71	Hoàng Minh Thảo	Lý Chính Thắng	Cao Thắng	1,40
72	Hoàng Thế Thiện	Y Moan Ênuôl	Thửa 142, TBĐ số 19	1,50
		Thửa 142, TBĐ số 19	Hết đường (Hết thửa 660; TBĐ số 23)	1,50
73	Hoàng Văn Thái	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
74	Hoàng Văn Thụ	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
75	Hoàng Việt	Trần Quang Khải	Hết đường (Hết thửa 210, 124; TBĐ số 7)	1,50
76	Hồ Giáo	65 Mai Xuân Thưởng	Hẻm 169 Nơ Trang Gưh	1,50
77	Hồ Tùng Mậu	Lê Hồng Phong	Y Nông	1,50
78	Hồ Xuân Hương	Phan Bội Châu	Quang Trung	1,50
79	Hùng Vương	Ngã 6 trung tâm	Đình Tiên Hoàng	1,50
		Đình Tiên Hoàng	Bà Triệu	1,50

		Bà Triệu	Ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,50
		Ngã ba Nguyễn Công Trứ	Ama Khê	1,60
		Ama Khê	Ama Jhao	1,60
		Ama Jhao	Hết đường (Trần Quý Cáp)	1,60
80	Huy Cận	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1,50
81	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Văn Phự	Trần Nhật Duật	1,50
82	Huỳnh Văn Bánh	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
83	Khúc Thừa Dụ	Lê Duẩn	Sấm Brăm	1,50
84	Kim Đồng	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
85	Kpă Nguyên	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
86	Kpă Púi	231 Ngô Quyền	Tôn Đức Thắng	1,50
87	Lạc Long Quân	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Siu Bleh)	1,50
88	Lê Anh Xuân	Trần Quang Khải	Hết đường (Hết thửa 243; TBĐ số 7 và hết thửa 227; TBĐ số 6)	1,50
89	Lê Cảnh Tuân	Thế Lữ	Hết đường (Hết thửa 38; 61; TBĐ số 45)	1,50
90	Lê Chân	Lê Duẩn	Y Nuê	1,50
91	Lê Công Kiều	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thưởng	1,50
92	Lê Duẩn	Ngã 6 trung tâm	Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45; TBĐ số 6 phường Tân Thành	1,50
		Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45; TBĐ số 6 phường Tân Thành	Cầu Ea Tam	1,50

		Cầu Ea Tam	Nguyễn An Ninh	1,50
		Nguyễn An Ninh	Phan Huy Chú	1,50
93	Lê Đại Cang	Số 1A, Bà Triệu	Số 9 Trường Chinh	1,50
94	Lê Đại Hành	Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
95	Lê Đức Thọ	Phan Bội Châu	Ngô Đức Kế	1,50
96	Lê Hồng Phong	Y Ngông	Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	1,50
		Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1,50
97	Lê Lai	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1,50
98	Lê Lợi	Trần Khánh Dư	Tản Đà	1,50
99	Lê Minh Xuân	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đường Hùng Vương)	1,50
100	Lê Quang Sung	Y Bih Aleo	Trần Hữu Dực	1,50
101	Lê Quý Đôn	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
102	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	1,50
		Trần Hưng Đạo	Lý Tự Trọng	1,50
103	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
104	Lê Thị Riêng	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Mai Thị Lựu)	1,50
105	Lê Trọng Tấn	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
106	Lê Văn Hưu	Đặng Văn Ngữ	Khúc Thừa Dụ	1,50
		Khúc Thừa Dụ	Phùng Hưng	1,50

107	Lê Văn Nhiều	Nguyễn Hồng Ứng	Hết đường (Hết thửa 33; TBD số 56 Tân An; Hết thửa 7; TBD số 78 phường Tân Lập)	1,50
108	Lê Văn Sỹ	Lê Duẩn	Nguyễn Viết Xuân	1,50
109	Lê Vự	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Trương Quang Tuân)	1,50
110	Lương Thế Vinh	Y Ngông	Mai Xuân Thưởng	1,50
111	Lý Chính Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1,50
112	Lý Nam Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thánh Tông	1,50
113	Lý Thái Tổ	Lý Tự Trọng	Đồng Khởi	1,50
114	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
		Nguyễn Văn Trỗi	Bên phải: Đoàn Thị Điểm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	1,50
		Bên phải: Đoàn Thị Điểm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	Hết đường	1,50
115	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1,50
		Ngô Quyền	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
116	Má Hai	Thế Lữ	Tăng Bạt Hổ	1,50
117	Mạc Đĩnh Chi	Phan Bội Châu	Nơ Trang Gưh	1,50
		Nơ Trang Gưh	Mai Xuân Thưởng	1,50

118	Mạc Thị Bưởi	Quang Trung	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 124; TBĐ số 4)	1,50
119	Mai Hắc Đế	Y Ngông	Nguyễn Viết Xuân	1,50
		Nguyễn Viết Xuân	Giải Phóng	1,50
		Giải Phóng	Hết đường (Hết thửa 11, 23; TBĐ số 26)	1,50
120	Mai Thị Lựu	Y Wang	Hết đường (Đường Trần Quý Cáp)	1,50
121	Mai Xuân Thường	Phan Bội Châu	Mạc Đĩnh Chi	1,50
		Mạc Đĩnh Chi	Y Ngông	1,50
122	Mậu Thân	Phạm Văn Đồng	Hết thửa 2, 14; TBĐ số 3	1,50
		Hết thửa 2, 14; TBĐ số 3	Hết địa bàn phường	1,50
123	Nam Quốc Cang	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thường	1,50
124	Nay Der	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hẻm 79 Đinh Núp)	1,50
125	Nay Phao	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
126	Nay Thông	Lê Duẩn	Săm Brăm	1,50
		Săm Brăm	Hết đường (Hết thửa 171, 254; TBĐ số 118)	1,50
127	Ngô Chí Quốc	Phạm Văn Đồng	Nhà thờ Lộ Đức (Thửa 152; TBĐ số 17)	1,50
		Nhà thờ Lộ Đức (Thửa 152; TBĐ số 17)	Hết địa bàn phường	1,50

128	Ngô Đức Kế	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
129	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1,50
		Ngô Quyền	Hà Huy Tập	1,50
130	Ngô mây	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
131	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1,50
		Ngô Gia Tự	Lê Quý Đôn	1,50
132	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Nguyễn Công Trứ	1,50
133	Ngô Thì Nhậm	Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1,50
134	Ngô Văn Năm	Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường (Thửa 118, TBĐ số 59)	1,50
135	Nguyên Hồng	Trần Nhật Duật	Trần Khánh Dư	1,50
136	Nguyễn An Ninh	Lê Duẩn	Cổng Trại giam	1,50
137	Nguyễn Biểu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
138	Nguyễn Bính	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1,50
139	Nguyễn Bình Khiêm	Hoàng Diệu	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1,50
140	Nguyễn Bưởi	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
141	Nguyễn Cảnh Dị	Võ Văn Kiệt	Hết đường (Hết thửa 3; TBĐ số 157 và hết thửa 24; TBĐ số 156)	1,50
142	Nguyễn Chánh	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
143	Nguyễn Chí Thanh	Chu Văn An + Nguyễn Văn Cừ	Trương Quang Giao	1,50
		Trương Quang Giao	Trịnh Cấn	1,50
		Trịnh Văn Cấn	Hết vòng xoay ngã ba Nhà máy bia Sài Gòn (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,50

144	Nguyễn Công Hoan	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
145	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Lê Duẩn	1,50
		Lê Duẩn	Đinh Tiên Hoàng	1,50
		Đinh Tiên Hoàng	Hùng Vương	1,50
146	Nguyễn Cơ Thạch	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 450; TBĐ số 4)	1,50
147	Nguyễn Cư Trinh	Phạm Hồng Thái	Hết cầu bê tông	1,50
		Hết cầu bê tông	Hết đường (Đường Nguyễn Du)	1,50
148	Nguyễn Du	Lê Duẩn	Cầu chui	1,50
		Cầu chui	Đền ông Cảo (Thửa 47; TBĐ số 38)	1,50
		Đền ông Cảo (Thửa 47; TBĐ số 38)	Trần Quý Cáp	1,50
149	Nguyễn Duy Trinh	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1,50
150	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Khuyến	1,50
151	Nguyễn Đình Chiểu nói dài	Ngã ba Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu	Đến hết địa bàn phường Tân Lợi	1,50
152	Nguyễn Đình Thi	Trần Kiên	Hết thửa 102; TBĐ số 5	1,50
153	Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
154	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Văn Linh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50
155	Nguyễn Hiền	Lê Thánh Tông	Hết đường (Hết thửa 180, 190; TBĐ số 68)	1,50
156	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Vụ	Lê Văn Nhiều	1,50
	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Văn Nhiều	Trường Quang Giao	1,50

157	Nguyễn Huy Tụ	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1,50
158	Nguyễn Huy Tường	Lê Thánh Tông	Hết đường (Đường Nguyễn Thi)	1,50
159	Nguyễn Hữu Thấu	Hà Huy Tập	Hết khu dân cư K7	1,50
		Hết khu dân cư K7	Mười Tháng Ba	1,50
160	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
161	Nguyễn Khắc Tính	Lê Vụ	Lê Văn Nhiều	1,50
162	Nguyễn Khoa Đăng	Võ Văn Kiệt	Hết thửa 52, TBĐ số 74 (Sát đường hẻm)	1,50
		Hết thửa 52; TBĐ số 74 (Sát đường hẻm)	Hết đường (Hết thửa 128; TBĐ số 74)	1,50
163	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Nhật Duật	1,50
		Trần Nhật Duật	Y Moan Ênuôl	1,50
164	Nguyễn Kim	Mai Hắc Đế	Hết đường (Thửa 56, 210; TBĐ số 13)	1,50
165	Nguyễn Kinh Chi	Lê Thị Hồng Gấm	Hẻm 51 Nguyễn Tất Thành	1,50
166	Nguyễn Lâm	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
167	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn Văn Cừ (Vòng xoay km5)	Cầu km 5	1,50
168	Nguyễn Nhạc	Công an Thành phố	Ngô Gia Tự	1,50
169	Nguyễn Phi Khanh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1,50
170	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 933; TBĐ số 4)	1,50
171	Nguyễn Siêu	Phạm Ngũ Lão	Hết đường	1,50

172	Nguyễn Sinh Sắc	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Hết thửa 62, 66; TBĐ số 62)	1,50
173	Nguyễn Sơn	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
174	Nguyễn Tất Thành	Ngã 6 trung tâm	Nguyễn Văn Cừ	1,50
175	Nguyễn Thái Học	Phan Chu Trinh	Văn Cao	1,50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1,50
176	Nguyễn Thi	Tản Đà	Phan Văn Khỏe	1,50
177	Nguyễn Thị Định	30 tháng 4	Chợ Thành Nhất (Bên trái Hết thửa 752; TBĐ số 8)	1,50
		Chợ Thành Nhất (Bên trái Hết thửa 752; TBĐ số 8)	Đường trục 1 Buôn Ky (Hết thửa 205; TBĐ 13 phường Thành Nhất; Bên trái hết thửa 90; TBĐ số 37 phường Tân Tiến)	1,50
		Đường trục 1 Buôn Ky (Hết thửa 205; TBĐ 13 phường Thành Nhất; Bên trái hết thửa 90; TBĐ số 37 phường Tân Tiến)	Hết thửa 219 và thửa 1046; TBĐ số 12	1,50
		Hết thửa 219 và thửa 1046; TBĐ số 12	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1,50
178	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Chu Trinh	Y Jút	1,50
		Y Jút	Nguyễn Trãi	1,50
		Nguyễn Trãi	Phạm Ngũ Lão	1,50

179	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1,50
180	Nguyễn Thông	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1,50
181	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Quý Đôn	Hoàng Minh Thảo	1,50
182	Nguyễn Tiểu La	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
183	Nguyễn Trác	Nguyễn Khuyển	Hết đường (Thửa 22; TBĐ số 31)	1,50
184	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1,50
185	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Hết đường (suối)	1,50
186	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tri Phương	Trương Công Định	1,50
		Trương Công Định	Hết đường (Hẻm 383 Trần Phú)	1,50
187	Nguyễn Trường Tộ	Y Wang (Thửa 140; TBĐ số 39 và thửa 1; TBĐ số 40)	Cống thoát nước (Hết thửa 124, 309; TBĐ 116)	1,50
		Cống thoát nước (Hết thửa 124, 309; TBĐ 116)	Y Wang (Trường tiểu học Phan Đăng Lưu)	1,50
188	Nguyễn Tuân	Lê Duẩn	Hết đường (Hết thửa 241; TBĐ số 34).	1,50
189	Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
190	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tất Thành	Cầu Ea Nao	1,50
		Cầu Ea Nao	Phạm Văn Đồng (Bên trái Hết thửa 111; TBĐ số 47 P Tân Hòa; Bên phải Nguyễn Lương Bằng)	1,50

191	Nguyễn Văn Linh	Hết vòng xoay ngã 3 nhà máy bia Sài Gòn	Ranh giới xã Ea Tu	1,50
192	Nguyễn Văn Trỗi	Phan Chu Trinh	Y Jút	1,50
193	Nguyễn Viết Xuân	Lê Duẩn	Mai Hắc Đế	1,50
194	Nguyễn Xuân Nguyên	Nguyễn Chí Thanh	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	1,50
		Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	Hết địa bàn phường Tân An	1,50
195	Nơ Trang Gùh	Phan Bội Châu	Quang Trung	1,50
		Quang Trung	Mai Xuân Thường	1,50
196	Nơ Trang Long	Ngã sáu trung tâm	Lê Hồng Phong	1,70
197	Ông Ích Khiêm	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
198	Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	Đinh Tiên Hoàng	1,50
		Đinh Tiên Hoàng	Hết đường (Hết thửa 16, 25; TBD số 24)	1,50
199	Phạm Hùng	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1,50
200	Phạm Ngọc Thạch	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
201	Phạm Ngũ Lão	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu ranh giới xã Cư Ê Bur	1,50
202	Phạm Phú Thứ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50
203	Phạm Văn Bạch	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 642; TBD số 4)	1,50

204	Phạm Văn Đồng	Bên trái: Thửa 74; TBĐ số 47; Bên phải: Nguyễn Lương Bằng	Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	1,50
		Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	Nguyễn Sinh Sắc	1,50
		Nguyễn Sinh Sắc	Giáp ranh xã Ea Tu	1,60
205	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,50
		Lê Hồng Phong	Mạc Thị Bưởi	1,50
		Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Tri Phương	1,50
		Nguyễn Tri Phương	30 tháng 4	1,50
206	Phan Chu Trinh	Ngã sáu Trung tâm	Trần Hưng Đạo	1,50
		Trần Hưng Đạo	Trần Cao Vân	1,50
		Trần Cao Vân	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
207	Phan Đăng Lưu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Minh Thảo	1,50
208	Phan Đình Giót	Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	1,50
209	Phan Đình Phùng	Phan Bội Châu	An Dương Vương	1,50
		An Dương Vương	Hết đường (Đường Trần Phú)	1,50
210	Phan Huy Chú	Lê Duẩn	Hoàng Hữu Nam	1,50
		Hoàng Hữu Nam	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1,50
211	Phan Kế Bính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
212	Phan Kiệm	Lê Duẩn	Hết đường (Thửa 31; TBĐ số 20)	1,50
213	Phan Phù Tiên	Mai Hắc Đế	Hết đường (Hết thửa 153; 155; TBĐ số 12)	1,50

214	Phan Trọng Tuệ	95 Ybih Alêô	Tôn Đức Thắng	1,50
215	Phan Văn Đạt	Võ Văn Kiệt	Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	1,50
		Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5; TBĐ số 98)	1,50
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5; TBĐ số 98)	Ngã tư hẻm 83 Tổ Hữu (Hết thửa 48; TBĐ số 100)	1,50
		Ngã tư hẻm 83 Tổ Hữu (Hết thửa 48; TBĐ số 100)	Hết đường (Thửa 193; TBĐ số 61)	1,50
216	Phan Văn Khoẻ	Lê Thánh Tông	Hết đường (Đường Nguyễn Thi)	1,50
217	Phó Đức Chính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
218	Phù Đồng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
219	Phùng Chí Kiên	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
220	Phùng Hưng	Lê Duẩn	Sấm Brăm	1,50
		Sấm Brăm	Hết đường (Hết thửa 26; 28; TBĐ số 117)	1,50
221	Pi Năng Tắc	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đến thửa 321; TBĐ số 24)	1,50
222	Quang Trung	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1,70
		Lê Hồng Phong	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trần Bình Trọng	1,50
		Trần Bình Trọng	Nơ Trang Guh	1,50

		Nơ Trang Gưh	Mạc Đĩnh Chi	1,50
223	Rơ Chăm Yon	Mậu Thân	Hẻm 723 Phạm Văn Đồng	1,50
224	Săm Brăm	Đặng Văn Ngữ	Hết đường (Lê Duẩn)	1,50
225	Siu Bleh	Y Nuê	Lê Chân	1,50
226	Sư Vạn Hạnh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1,50
227	Sương Nguyệt Ánh	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
228	Tạ Quang Bửu	Nguyễn Phúc Chu	Hết đường (Hết thửa 303, 1108; TBĐ số 3)	1,50
229	Tản Đà	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
230	Tán Thuật	Đinh Tiên Hoàng	Phạm Hồng Thái	1,50
231	Tăng Bạt Hổ	Nguyễn Đình Thi	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Đường Má Hai)	1,50
232	Tây Sơn	Số 53 Giải Phóng	Bạch Đằng	1,50
		Bạch Đằng	Hết thửa 455; TBĐ số 29	1,50
233	Thái Phiên	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
234	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cầu chui)	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cổng số 1)	1,50
235	Thế Lữ	Phạm Văn Đồng	Hết đường (Hết thửa 26; TBĐ số 66)	1,50
236	Thị Sách	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
237	Thủ Khoa Huân	Mai Xuân Thường	30 tháng 4	1,60
		30 tháng 4	Nguyễn Thị Định	1,70
238	Tô Hiến Thành	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phú	1,50

239	Tô Hiệu	Lê Thánh Tông	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
		Lê Thị Hồng Gấm	Ngô Gia Tự	1,50
		Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
240	Tổ Hữu	Ngã ba Duy Hòa, Võ Văn Kiệt	Bên phải Hẻm 38 Tổ Hữu (hết thửa 37, TBĐ số 144, P. Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, TBĐ số 97, P Khánh Xuân	1,50
		Bên phải Hẻm 38 Tổ Hữu (hết thửa 37, TBĐ số 144, P. Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, TBĐ số 97, P Khánh Xuân	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	1,50
241	Tô Vĩnh Diện	Mai Hắc Đế	Hết đường (Đường Lê Văn Sỹ)	1,50
242	Tôn Đức Thắng	Tú Xương	Hết Lô L6 Khu dân cư Tôn Đức Thắng	1,50
		Đối diện nhà hàng Đại Ngân (Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng)		1,50
		Kpă Púi (Trước Công ty cấp nước Đăk Lăk)	Ngô Gia Tự	1,50
		Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1,50
243	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Lương Bằng	Chợ Tân Phong	1,50
244	Tôn Thất Tùng	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1,50
245	Tổng Duy Tân	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụng	1,50
246	Trần Bình Trọng	Quang Trung	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50

		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Thửa 29; TBĐ số 8)	1,50
247	Trần Cao Vân	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Văn Cao	1,50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1,50
248	Trần Đại Nghĩa	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
249	Trần Huy Liệu	Mai Hắc Đế	Y Ôn	1,50
250	Trần Hưng Đạo	Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	1,50
		Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1,50
251	Trần Hữu Dục	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Khánh Dư	1,50
252	Trần Hữu Trang	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
253	Trần Khánh Dư	Trương Chinh	Phan Chu Trinh	1,50
254	Trần Khát Chân	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
255	Trần Kiên	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Hết thửa 2, 3; TBĐ số 66)	1,50
256	Trần Nguyên Hân	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng	1,50
257	Trần Nhân Tông	Phan Huy Chú	Hết đường (Hết thửa 27; TBĐ số 84 và hết thửa 103; TBĐ số 68)	1,50
258	Trần Nhật Duật	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
259	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1,50
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Trãi	1,50

		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1,50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1,50
		Trương Công Định	Hẻm 383 Trần Phú	1,50
		Hẻm 383 Trần Phú	Hết đường (Hết cánh đồng rẽ trái ra đường Nguyễn Thị Định)	1,50
260	Trần Quang Diệu (Khu tái định cư Mai Xuân Thưởng)			1,50
261	Trần Quang Khải	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
262	Trần Quốc Thảo	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
263	Trần Quốc Toàn	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1,50
264	Trần Quý Cáp	Y Nuê	Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	1,50
		Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	Võ Nguyên Giáp	1,50
		Võ Nguyên Giáp	Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	1,60
		Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Cừ	1,60
265	Trần Văn Phú	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
266	Trịnh Văn Cấn	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 133; TBĐ số 5 và hết thửa 120; TBĐ số 7)	1,50
267	Trương Công Định	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Hết đường	1,50

268	Trương Đăng Quế	Trần Văn Phụ (kéo dài)	Y Moan Êñuôl	1,50
269	Trương Hán Siêu	Phan Bội Châu	Trương Công Định	1,50
270	Trương Quang Giao	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 91; TBĐ số 53)	1,50
271	Trương Quang Tuân	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1,50
272	Trường Chinh	Bà Triệu	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
273	Tú Xương	Trường Chinh	Lê Thánh Tông	1,50
274	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Cầu Tuệ Tĩnh	1,50
		Cầu Tuệ Tĩnh	Mai Thị Lựu	1,50
275	Vạn Xuân	Giải Phóng	Hết thửa 190; TBĐ số 29	1,50
		Thửa 190; TBĐ số 29	30 Tháng 4	1,50
276	Văn Cao	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1,50
277	Văn Tiến Dũng	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
278	Võ Duy Thanh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
279	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Cừ	Hết đường (Giáp Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Lắk)	1,50
280	Võ Trung Thành	Y Ngông	Lương Thế Vinh	1,50
281	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	Cầu Duy Hòa	1,50
		Cầu Duy Hòa	Bên phải: Hết thửa 18; TBĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	1,50
		Bên phải: Hết thửa 18; TBĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Trần Cao Vân	1,50
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1,50

282	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu suối Đốc học	Quang Trung	1,50
		Quang Trung	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cổng bệnh viện Thành phố cũ	1,50
283	Xuân Diệu	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
284	Xuân Thủy	Phạm Văn Đồng	Hết đường (Hẻm 9 Nguyễn Lương Bằng)	1,50
285	Y Bhin	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hết thửa 323; TBD 11)	1,50
286	Y Bih Alêo	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
287	Y Đôn	Y Nuê	Âu Cơ	1,50
288	Y Jỗn Niê	Y Nuê	Hết khu dân cư buôn Mduk	1,50
		Hết khu dân cư buôn Mduk	Thửa 22; TBD số 124	1,50
		Thửa 22; TBD số 124	Hết địa bàn phường Ea Tam	1,50
289	Y Jút	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết nhà số 335 Y Jút	1,50
		Hết nhà số 335 Y Jút	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1,50
290	Y Khu	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hết thửa 148, 281; TBD 11)	1,50

291	Y Linh Niê Kdăm	Trường tiểu học Kim Đồng	Thế Lữ	1,50
292	Y Moan Ê'nuôl	Phan Chu Trinh	Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	1,50
		Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	10 tháng 3	1,50
		10 tháng 3	Giáp ranh xã Cư Ebur	1,50
293	Y Ngông	Lê Duẩn	Dương Văn Nga	1,50
		Dương Văn Nga	Mai Xuân Thuởng	1,50
294	Y Ngông nổi dài	Mai Xuân Thuởng	Nguyễn Thị Định	1,50
295	Y Ni K'Sor	Ama Jhao	Hùng Vương	1,50
296	Y Nuê	Lê Duẩn	Hết đường (Hết thửa 216, 462; TBĐ số 75)	1,50
297	Y Ớn	Lê Duẩn	Hết đường (Hẻm 49 Y Ớn)	1,50
298	Y Plô Ê Ban	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
299	Y Som Êban	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đường Cao Đạt)	1,50
300	Y Thuyền K'Sor	Y Ni K'Sor	Hết đường (Thửa 56; TBĐ 11)	1,50
301	Y Tlam Kbuôr	02 Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1,50
302	Y Út Niê	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
303	Y Wang	Lê Duẩn	Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	1,50
		Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	Cầu Ea Kniêr	1,50

304	Yết Kiêu	Nguyễn Tri Phương	Hết đường (Đường Trương Công Định)	1,50
305	Đường giao thông Quốc lộ 14 đoạn nối từ Lê Duẩn - Võ Văn Kiệt	Lê Duẩn - Phan Huy Chú	Đường 30/4 - Võ Văn Kiệt	1,20
306	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1,50
307	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hà Huy Tập	1,50
308	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tại Tổ dân phố 7, phường Tân An			
	- Đường giao thông quy hoạch 24m	Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa 147; TBD số 48	1,20
		Hết thửa 147; TBD số 48	Nguyễn Xuân Nguyên	1,40
309	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Trần Nhật Duật	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
		Trần Nhật Duật	Phan Trọng Tuệ	1,50
310	Đường trục chính vào buôn Akõ D'hõng (Đi qua nhà hàng Yang Sin)	Nguyễn Khuyến	Ngã ba nhà Văn hoá cộng đồng	1,20
311	Đường nội bộ trong buôn Akõ D'hõng			
	- Đường nối dài với trục chính của buôn (Từ nhà văn hóa cộng đồng đến Nguyễn Đình Chiểu nối dài)			1,40
	- Đường song song với trục chính của buôn (Từ đường Trục chính đến đường nối dài)			1,40
312	Khu dân cư 560 Lê Duẩn			
	- Đường nội bộ khu dân cư (Rộng 10m)			1,40

313	Khu dân cư buôn Mduk P. Ea Tam			
	- Đường bao quanh khu dân quy hoạch cư rộng 18 m			1,20
	- Trục dọc song song Y Jõn Niê rộng 14 m			1,40
	- Các trục ngang giao Y Jõn Niê (quy hoạch rộng 14 m)	Y Jõn Niê	Đến đường bao quy hoạch rộng 18 m	1,50
314	Khu dân cư trường Hành chính cũ, phường Ea Tam			
	- Trục đường N1	Nguyễn An Ninh	Đến hẻm 120/26 Y Wang	1,50
	- Trục đường D1	Hẻm 120/26 Y Wang	Hết ranh giới quy hoạch khu dân cư trường Hành chính cũ	1,50
315	Khu dân cư chợ Duy Hoà cũ			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 8m			1,10
316	Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng, phường Tân An			
	- Đường ngang nối Tôn Đức Thắng - Tô Hiệu (Rộng 9m)			1,50
317	Khu dân cư Tổ dân phố 1, phường Tân An (Khu đất đầu giá phía sau Sở Công Thương)			
	- Đường quy hoạch 12m	Song song với đường Nguyễn Kinh Chi		1,40
	- Đường quy hoạch 10m	Nguyễn Kinh Chi	Đường quy hoạch rộng 12m	1,30
318	Khu dân cư Km4-Km5, phường Tân An (Khu đất phân lô biệt thự)			
	Đường nội bộ song song đường Nguyễn Thượng Hiền	Văn Tiến Dũng	Hoàng Minh Thảo	1,40
	Đường nội bộ song song đường Hoàng Minh Thảo	Tôn Đức Thắng	Ngô Thị Nhậm	1,40
	Đường nội bộ song song đường Ngô Thị Nhậm	Văn Tiến Dũng	Đoàn Khuê	1,30

319	Khu dân cư đường Lê Vự		
	- Đường giao với đường Lê Vự quy hoạch 18m		2,00
	- Đường song song với đường Lê Vự quy hoạch 18m (Giao với hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)		2,00
320	Khu dân cư Tổ dân phố 9, phường Tân An		
	- Đường giao với hẻm 146 Nguyễn Chí Thanh		1,50
	- Đường giao với đường Dã Tượng		1,50
321	Khu dân cư chợ Tân Hoà	Đường giao nhau với đường Phạm Văn Đồng (QH 75m)	1,50
322	Khu dân cư Tân Phong		
	- Đường quy hoạch rộng 24 m giao với Phạm Văn Đồng (Đường D5, Đường D6)		1,60
	- Đường quy hoạch rộng 24 m song song với Phạm Văn Đồng (Đường N14)		1,60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15 m song song với Phạm Văn Đồng		1,50
	- Đường N9 quy hoạch 16m song song với đường Phạm Văn Đồng	Xuân Thủy	Đường D6
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng		1,60
	- Đường D7 quy hoạch rộng 18m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng		1,60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15m song song với Phạm Văn Đồng, gồm các đường: N8, N10, N11, N15	Đường D5	Đường D7
323	Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk (Trần Quý Cáp)		
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 10m	Giao với đường Trần Quý Cáp	1,60

	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 8m, phía giáp suối Ea Nao	Nối với đường quy hoạch rộng 10m		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m, phía giáp suối Ea Nao	Vuông góc với đường Trần Quý Cáp		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Song song với đường Trần Quý Cáp		1,60
324	Khu dân cư Tổ dân phố 7, Tân Lập			
	- Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp quy hoạch rộng 15,5 m	Trần Quý Cáp	Giao với đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	1,60
	- Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5m	Hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	2,00
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 15,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường Võ Thị Sáu	2,00
	- Đường số 3 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2,00
	- Đường số 4 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2,00
	- Đường số 5 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2,00

	- Đường số 6 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5 m	2,00
	- Đường số 7 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Hết lô LK8-33	1,30
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5m	Đường số 2, bao quanh lô LK4	Giao với đường số 2	2,00
	- Đường hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Trần Quý Cáp	Hết lô BT2-02	2,00
325	Khu dân cư buôn Păm Lăm - Kôsiêr			
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12m	Giao với đường Ama Jhao		2,00
	- Đường ngang quy hoạch rộng 10,5m	Giao với đường Hùng Vương		1,30
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12,5m	Giao với đường Hùng Vương		1,30
326	Khu dân cư Tổ dân phố 10, phường Tân Lợi (Cạnh Thi hành án dân sự tỉnh)			
	- Đường ngang nối Hà Huy Tập - Ngô Văn Năm			1,50
327	Khu dân cư Hiệp Phúc			
	- Các đường nối Ngô Văn Năm với Lý Thái Tổ			1,30
328	Khu dân TDP 7, phường Tân Lợi			
	- Đường ngang nội bộ quy hoạch 13,5m	Nguyễn Hữu Thấu	Đinh Lễ	1,40
	- Đường nội bộ quy hoạch 13,5m song song với Nguyễn Hữu Thấu			1,40
329	Khu dân cư đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 15,5m giao với đường Hà Huy Tập			1,40

	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 14m song song với đường Hà Huy Tập			1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 36m giao với đường Hà Huy Tập			1,40
330	Khu dân cư N1.4 - N1.5, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô F			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô A			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 12 m			1,50
331	Khu dân cư Tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Giao với đường Phan Bội Châu		1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Song song với đường Phan Bội Châu		1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 18m-20m	Song song với đường Phan Bội Châu		1,60
332	Khu tái định cư phường Thành Nhất			
	- Đường ngang song song đường Phan Bội Châu			1,40
333	Các đoạn đường nhựa chưa đặt tên cắt ngang đường Ngô Quyền	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
334	Hẻm số 554 đường Lê Duẩn (Chỉ áp dụng cho các thửa đất mặt tiền hẻm 554)	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Săm Bẳm)	1,50
335	Hẻm đường Lê Duẩn (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Cầu trắng			

	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
336	Hẻm 28 Lê Thị Hồng Gấm	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Kinh Chi	1,30
337	Hẻm 2 Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,30
338	Hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lê Vự	1,50
339	Hẻm đường Nguyễn Văn Cừ (Về phía bên phải): Trong khoảng từ Bùng binh Km3 đến cầu Ea Nao			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
340	Hẻm 166 Nguyễn Tri Phương (Sơn Khinh cũ)	Nguyễn Tri Phương	Hết đường (Bên trái: Hết thửa 14, 31; TBĐ số 21; Bên phải Hết thửa 207; 224; TBĐ số 16)	1,50
341	Hẻm đường Lê Hồng Phong (Phía dọc suối Đốc học): Trong khoảng từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Quang Trung			1,50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
342	Hẻm đường Hồ Tùng Mậu (Về phía bên phải): Trong khoảng từ đường Lê Hồng Phong đến hết hẻm 52 Hồ Tùng Mậu			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 1) từ đường Hồ Tùng Mậu đến thửa 58, 59, 60; TBĐ số 16			1,50

	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (Đoạn 2) từ thửa 100; TBD số 16 đến bên phải hẻm 105 đường Lê Hồng Phong (Thửa 140; TBD số 13).đường Lê Hồng Phong			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
343	Hẻm đường Quang Trung (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Đinh Công Tráng			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
344	Hẻm đường Đinh Tiên Hoàng (Về phía bên trái)			
	- Hẻm 131	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Du	1,50
	- Hẻm 185	Đinh Tiên Hoàng	Bùi Huy Bích	1,50
	- Hẻm 203	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1,50
345	Hẻm 02 Nguyễn Đình Chiểu (Đối diện Nhà thi đấu tỉnh): Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (Nhà sách Giáo dục)			1,30
346	Các thửa đất tiếp giáp với hẻm số 51, đường Nguyễn Tất Thành: Tính theo quy định đối với hẻm đường Nguyễn Tất Thành			
347	Khu dân cư 3,2 ha, phường Tân An			
	- Đường Tôn Đức Thắng nối dài, QH 30m	Phạm Hùng	Đường 2-D, đường nối từ Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14	1,60
	- Đường 2-D, QH 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
	- Đường N-1, QH 24m			1,60
	- Đường số 1-D, QH 16m			1,60
	- Đường số 3-N và 2-N, QH 16m			1,60
348	Khu dân cư 5,4 ha, phường Tân An			

	- Đường N4, quy hoạch 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
	- Đường N3, quy hoạch 20m (Đường vành đai cũ)			1,60
	- Đường D1, quy hoạch 20			1,60
	- Đường số 3, quy hoạch 20m			1,60
	- Đường số 4, quy hoạch 20m			1,60
	- Đường số 1, số 2, quy hoạch 16m			1,60
349	Khu dân cư Km7, phường Tân An			
	- Đường KV2	Đường D6	Đường 10/3	1,60
	- Đường KV3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D5	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D6	Đường D5	Đường KV2	1,60
	- Đường N4	Đường D5	Đường KV3	1,60
	- Đường N8	Đường D1	Đường D5	1,60
	- Đường N9	Đường N8 (tại vị trí thửa số NP2-1.20)	Đường D5	1,60
	- Đường N11	Đường N12 (Tại vị trí thửa NP2-1.20)	Giao với đường N12 (Tại vị trí thửa NP2-1.37)	1,60
	- Đường N12	Đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa số NP2-2.14 và NP1-4.17)	Giao với đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa NP2-1.1 và NP1-1.17)	1,60
	- Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Đường D5	Đường KV3	1,60

350	Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An			
	* Đường khu vực			
	- Đường N1	Đường Hà Huy Tập	Đường D7	1,60
	- Đường N8	Đường D1	Đường D6	1,60
	- Đường D1	Đường N6	Đường N8	1,60
	- Đường D6	Đường N1	Đường N8	1,60
	- Đường D7	Đường N1	Đường N9	1,60
	- Đường N9	Đường D6	Đường D7	1,60
	* Đường phân khu vực			
	- Đường N2	Đường D2	Đường D4	1,60
	- Đường N3	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
	- Đường N4	Đường D2	Đường D4	1,60
	- Đường N5	Đường D3	Đường D6	1,60
	- Đường N6	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
	- Đường N7	Đường D2	Đường D5	1,60
	- Đường D2	Đường N1	Đường N8	1,60
	- Đường D3	Đường N4	Đường N6	1,60
	- Đường D4	Đường N1	Đường N5	1,60
	- Đường D5	Đường N6	Đường N8	1,60
351	Khu dân cư phường Tân Hòa (Công ty 507)			
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường N1) giao với đường Trần Kiên			2,00
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường N2) giao với đường Trần Kiên			2,00
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường D2) song song với đường Trần Kiên			2,00
	- Đường quy hoạch rộng 12m (đường D1) song song với đường Trần Kiên			2,00

352	Khu dân cư tổ liên gia 35, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Mai Xuân Thuởng			2,00
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Thủ Khoa Huân			2,00
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 18m			2,00
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 14m			2,00
353	Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập			
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 24m (đường Lê Vụ nối dài)			2,00
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 16,5m (đường Trương Quang Tuân nối dài)			2,00
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 18m (giao với đường Trương Quang Tuân)			2,00
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 11,5m (vuông góc với đường Lê Vụ nối dài)			2,00
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 8m (giao với hẻm 193 Nguyễn Văn Cừ)			2,00
354	Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập			
	- Đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)	Lê Vụ	Nguyễn Văn Cừ	1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m song song với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 18m ((đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài), vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ))			1,50
355	Khu dân cư phía Bắc, Tổ dân phố 12, phường Tân An (Bên cạnh nhà máy bia và trung tâm bảo trợ xã hội)			
	- Đường nhánh 16: quy hoạch rộng 37m			1,50
	- Đường nhánh 15: quy hoạch rộng 24m			1,50
	- Đường nhánh 12: Quy hoạch rộng 24m			1,50

	- Đường nhánh 11: quy hoạch rộng 24m	1,50
	-Đường số 3-N: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 2-N: quy hoạch rộng 10,5m	1,50
	- Đường số 1-N: quy hoạch rộng 10,5m	1,50
356	Khu dân cư thuộc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị 1/500 khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An	
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 6m	1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 4m	1,50
357	Khu dân cư Tổ dân phố 12, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột (khu chăn nuôi cũ 6,2 ha)	
	- Đường Dã Tượng: quy hoạch rộng 24m	1,50
	- Đường N1: quy hoạch rộng 24m	1,50
	- Đường N2: quy hoạch rộng 16m	1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch 16m	1,50
	- Đường nội bộ quy hoạch 14m	1,50
358	Khu tái định cư khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk	
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 17m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên	1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 13m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên	1,50
359	Đường Đông Tây	
	- Đoạn qua phường Tân Thành	1,50
	- Đoạn qua phường Tự An	1,50
	- Đoạn qua phường Tân Lập	1,50
360	Khu vực đầu tư xây dựng mới hoặc tuyến đường mới	
	Đường QH rộng từ 20m trở lên	1,30
	Đường QH rộng từ 10m đến dưới 20m	1,30

	Đường QH rộng dưới 10m			1,30
B	KHU VỰC NÔNG THÔN			
I	Xã Hòa Thuận			
1	Quốc lộ 14	Hết cầu Đạt lý (Thửa 27; TĐĐ số 51)	Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5 (Thửa 22; TĐĐ số 53)	1,30
		Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5 (Thửa 01; TĐĐ số 53)	Hết UBND xã Hòa Thuận (Hết thửa 55; TĐĐ số 46)	1,30
		Hết UBND xã Hòa Thuận (Hết thửa 55; TĐĐ số 46)	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột (Thửa 22; TĐĐ số 42)	1,20
2	Đường vào thôn Kiên Cường	Quốc lộ 14 (Thửa 268; TĐĐ số 43)	Đền đập hồ Đạt lý (Hết thửa 03; TĐĐ số 32)	1,30
3	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
4	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
II	Xã Cư Êbur			
1	Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5)	Cầu ranh giới xã Cư Êbur (Thửa 24; TĐĐ số 102)	Hết trụ sở UBND xã (Hết thửa 51; TĐĐ số 99)	1,60
		Hết trụ sở UBND xã (Hết thửa 51; TĐĐ số 99)	10 tháng 3 (Hết thửa 183; TĐĐ số 88)	1,60
		10 tháng 3 (Thửa 171; TĐĐ số 88)	Ngã ba đường vào thôn 8 (Hết thửa 147; TĐĐ số 80)	1,60
		Ngã ba đường vào thôn 8 (Hết thửa 147; TĐĐ số 80)	Ranh giới huyện Buôn Đôn (Hết thửa 131; TĐĐ số 11)	1,60
2	Các trục đường chính tại xã Cư Êbur			

	Đường A	Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Thửa 316; TBĐ số 93)	10 tháng 3 (Hết thửa 13; TBĐ số 92)	1,30
		Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Thửa 110; TBĐ số 93)	Đường giải phóng cũ (Hết thửa 62; TBĐ số 94)	1,30
	Đường B	Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Thửa 183; TBĐ số 93)	10 tháng 3 (Hết thửa 26; TBĐ số 92)	1,30
		10 tháng 3 (Thửa 217; TBĐ số 87)	Hết khu dân cư (Giáp đường dây 500KV - Hết thửa 19; TBĐ số 85)	1,30
		Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Thửa 66; TBĐ số 94)	Đường giải phóng cũ (Hết thửa 101; TBĐ số 94)	1,30
	Đường C	Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Thửa 237; TBĐ số 93)	Cổng trước Nhà thờ Châu Sơn (Hết thửa 148; TBĐ số 93)	1,30
		Cổng sau Nhà thờ Châu Sơn (Thửa 119; TBĐ số 92)	10 tháng 3 (Hết thửa 70; TBĐ số 92)	1,30
		10 tháng 3 (Thửa 433; TBĐ số 92)	Hết địa bàn thôn 3 (Hết thửa 43; TBĐ số 85)	1,30
	Đường D	Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Hết thửa 235; TBĐ số 94)	Hết khu dân cư (Giáp 10 tháng 3 - Hết thửa 110; TBĐ số 92)	1,30
	3	Đường A1, A2, A3 (Buôn Đung)		
4	Đường A4, A5, A6, A7 (Buôn Đung)			1,30
5	Đường A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14 (Buôn Đung)			1,30
6	Đường liên thôn	Ngã ba tượng thánh Gioan (Thửa 177; TBĐ số 87)	Ngã ba Đường ĐT.697E (Tỉnh lộ 5) (Hết thửa 144; TBĐ số 83)	1,30

7	Giải phóng (Đoạn xã Cư ÊBur)	Giáp ranh phường Tân Lợi (Thửa 195; TBĐ số 45)	10 tháng 3 (Hết thửa 105; TBĐ 53)	1,30
8	Y Moan Ênuôl nổi dài	Giáp ranh phường Tân Lợi (Thửa 146; TBĐ số 37)	Đường trục 2 buôn Dă Prông (Hết thửa 67; TBĐ số 70)	1,50
9	Đường giao thông trục 1 buôn Dă Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái (Thửa 164; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 288, 315; TBĐ số 68	1,20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải (Thửa 985; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 649; TBĐ số 37	1,20
10	Đường giao thông trục 2 buôn Dă Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái (Thửa 22; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 181; TBĐ số 24 và thửa đất số 5; TBĐ số 35	1,20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải (Thửa 923; TBĐ số 70)	Hết địa giới xã Cư Êbur (Hết thửa 108; TBĐ số 38)	1,20
11	10 tháng 3	Đoạn qua xã Cư ÊBur		1,10
12	Đất các khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,30
	Đường rộng dưới 5m			1,30
13	Đất khu vực còn lại (Thôn 8)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
III	Xã Ea Tu			
1	Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 14)	Bắt đầu từ ranh giới xã Ea Tu (Thửa 04; TBĐ số 12)	Hết cầu Đạt lý (Hết thửa 31; TBĐ số 57)	1,30
		Hết cầu Đạt Lý (Thửa 05; TBĐ số 57)	Hết địa bàn xã Ea Tu (Hết thửa 01; TBĐ số 92)	1,30

2	Đường giao thông qua UBND xã Ea Tu	Nguyễn Văn Linh (Thửa 58; TBĐ số 56)	Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A (Hết thửa 64; TBĐ số 62)	1,40
		Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A (Thửa 69; TBĐ số 62)	Hết ngã tư sân bóng Buôn Ko Tam (Hết thửa 321; TBĐ số 85)	1,40
		Hết ngã tư sân bóng Buôn Ko Tam (Thửa 34; TBĐ số 84)	Quốc lộ 26 (Hết thửa 71; TBĐ số 85)	1,40
3	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 26)	Hết địa bàn phường Tân Hòa (Thửa 33; TBĐ số 40)	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột (Hết thửa 36; TBĐ số 77)	1,50
4	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh (Thửa 24; TBĐ số 56)	Hết ranh giới xã Ea Tu	1,40
5	Đường vào thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận	Quốc lộ 14 (Thửa 307; TBĐ số 51)	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Hiền (Thửa 133, TBĐ số 47)	1,30
6	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			1,30
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
IV	Xã Hòa Thắng			
1	Đam San	Nguyễn Thái Bình (Thửa 89; TBĐ số 60)	Cổng Sân bay Buôn Ma Thuột (Hết thửa 06; TBĐ số 62)	2,00
2	Nguyễn Lương Bằng	Cầu km5 (Thửa 78; TBĐ số 03)	Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) - (Hết thửa 216; TBĐ số 52)	1,40

		Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) - (Hết thửa 216; TBĐ số 52)	Nguyễn Thái Bình (Hết thửa 80; TBĐ số 60)	2,00
3	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Lương Bằng (Thửa 88; TBĐ số 60)	Đường vào buôn Kom Leo (Hết thửa 50; TBĐ số 83)	2,00
		Đường vào buôn Kom Leo (Hết thửa 50; TBĐ số 83)	Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	1,20
		Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1,20
4	Đường vào Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Lương Bằng (Thửa 507; TBĐ số 52)	Nhà bà Châu (Hết thửa 45; TBĐ số 50)	1,40
5	Đường vào buôn Kom Leo	Doanh trại Bộ đội Thôn 5 (Thửa 48; TBĐ số 83)	Hết khu dân cư thôn 4 (Hết thửa 364; TBĐ số 27)	1,30
6	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Số 173 Nguyễn Thái Bình)	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hùng (Thửa 8, TBĐ số 74)	1,20
7	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Trụ sở Công ty Việt Thắng)	Đất nông nghiệp Công ty Việt Thắng cũ (Thửa 20, TBĐ số 28)	1,20
8	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng (Cả 2 bên), đoạn từ Cầu km5 đến Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)			1,20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
9	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến Nguyễn Thái Bình			
	* Phía thôn 2, thôn 3			

	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	* Phía ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến đường Đam San	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
10	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình, đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến đường vào buôn Kom Leo	
	* Phía thôn 3, thôn 5	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	* Phía thôn 8, thôn 9	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
11	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (Cả 2 bên), đoạn từ đường vào buôn Kom Leo đến Bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) dài khoảng 300m	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
12	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (cả 2 bên) đoạn từ bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) đến hết địa bàn xã Hoà Thắng dài khoảng 300m	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,30
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,30
13	Khu dân cư 2,9 ha thôn 11 xã Hoà Thắng	
	Đường giao với đường Nguyễn Lương Bằng	1,30
	Đường song song với đường Nguyễn Lương Bằng	1,30

14	Các tuyến đường trong khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
15	Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng			
	- Đường số 1: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 2: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 3: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 4: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 5: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 6: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 7: quy hoạch rộng 12m			1,50
16	Đường Đông Tây - đoạn qua xã Hòa Thắng			1,50
V	Xã Ea Kao			
1	Y Wang (Nối dài)	Cầu Ea Kniêr (Thửa 01; TBĐ số 65)	Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao) - (Hết thửa 69; TBĐ số 75)	1,30
		Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	Đập Ea Kao (Thửa 419; TBĐ số 81)	1,30
2	Đường trục chính xã Ea Kao (đi qua thôn 4)	Y Wang (Hết thửa 77; TBĐ số 75)	Ngã ba đi Lâm Viên (Hết thửa 81; TBĐ số 92)	1,30
		Ngã ba đi Lâm Viên (Hết thửa 82; TBĐ số 92)	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1,30
3	Đường giao thông đi vào thôn Cao Thành	Y Wang (Thửa 528; TBĐ số 72)	Mương thủy lợi N2 (Hết thửa 08; TBĐ số 20)	1,30

4	Đường giao thông đi vào đập hồ Ea Kao	Từ Y Wang (Nối dài) Thửa 402; TBĐ 76	Hết thửa 10; TBĐ số 83	1,20
5	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ cầu Kniêr đến hết ngã ba Bưư Điện)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,20
	Đường rộng dưới 5m			1,20
6	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ ngã ba Bưư Điện đến Đập Ea Kao)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,30
	Đường rộng dưới 5m			1,30
7	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ Ngã ba Bưư điện đến hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,40
VI	Xã Hòa Phú			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Hòa Khánh (Thửa 14; TBĐ số 97)	Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân (Hết thửa 11; TBĐ số 113)	1,20
		Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân (Thửa 12; TBĐ số 113)	Ngã 3 đường vào hầm đá (Hết thửa 214; TBĐ số 110)	1,20
		Ngã 3 đường vào hầm đá (Thửa 220; TBĐ số 110)	Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp (Hết thửa 183; TBĐ số 117)	1,20
		Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp (Thửa 182; TBĐ số 117)	Cầu Sêrêpôk	1,20
2	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14 (Thửa 219; TBĐ số 110)	Hội trường thôn 11 (Hết thửa 74; TBĐ số 125)	1,20

3	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14 (Thửa 56; TBĐ số 118)	Chi hội tin lành Buôn Tuôr (Hết thửa 15; TBĐ số 123)	1,20
4	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14 (Thửa 174; TBĐ số 117)	Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa 28; TBĐ số 96)	1,20
		Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa 28; TBĐ số 96)	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa 29; TBĐ số 85)	1,20
5	Đường vào xóm Hội phụ Lão	Quốc lộ 14 (Thửa 242; TBĐ số 116)	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12) - (Hết thửa 89; TBĐ số 123)	1,20
6	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14 (Thửa 289; TBĐ số 116)	Nhà ông Hà Văn Danh (Hết thửa 23; TBĐ số 106)	1,20
7	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14 (Thửa 286; TBĐ số 112)	Suối Ea Tuôr (Hết thửa 266; TBĐ số 122)	1,20
8	Đường giao thông	Quốc lộ 14 (Hết thửa 126; TBĐ số 104)	Cầu buôn M'rê	1,20
9	Đất khu vực còn lại			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
VII	Xã Hòa Khánh			
1	Tổ Hữu (Đường ĐT.698 (Tỉnh lộ 2))	Hết ranh giới phường Khánh Xuân (Thửa 161; TBĐ số 15)	Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh (Hết thửa 511; TBĐ số 74)	1,20
		Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh (Thửa 01; TBĐ số 78)	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1,20
2	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	Đến ranh giới xã Hòa Phú	1,20

3	Đường liên xã đi Ea Kao	Đường ĐT.698 (Tỉnh lộ 2) (Thửa số 1128; 1137, tờ bản đồ số 15)	Giáp ranh xã Ea Kao	1,20
4	Đường nối QL 14 với Đường ĐT.698 (Tỉnh lộ 2)	Quốc lộ 14 (Thửa 95, TĐĐ số 53)	Đường ĐT.698 (Tỉnh lộ 2) (Hết thửa 1135; TĐĐ số 15)	1,20
5	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
VIII	Xã Hòa Xuân			
1	Đường giao thông	Cầu buôn M'rê	Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,30
		Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,30
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1,30
		Cầu Buôn Cur Dluê (Thửa 669; TĐĐ số 60)	Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân (Hết thửa 53; TĐĐ số 55)	1,30
		Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân (Hết thửa 53; TĐĐ số 55)	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,20
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Trụ sở trại lúa giống Hoà Xuân	1,20
2	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30

II. ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUÔN HỒ

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
A	KHU VỰC ĐÔ THỊ			
I	Phường An Lạc			
1	Hùng Vương	Phan Đình Phùng	Nguyễn Văn Cừ	1,10
		Nguyễn Văn Cừ	Trần Cao Vân	1,10
		Trần Cao Vân	Nơ Trang Long	1,10
		Nơ Trang Long	Trần Hưng Đạo	1,10
		Trần Hưng Đạo	Võ Thị Sáu	1,20
		Võ Thị Sáu	Nguyễn Đình Chiểu	1,10
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Du	1,10
		Nguyễn Du	Giáp phường Đạt Hiếu	1,10
2	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Đình Chiểu	1,00
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1,00
		Nguyễn Bình khiêm	Nguyễn Du	1,00
3	Nguyễn Du	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1,00
		Phan Bội Châu	Tô Vĩnh Diện	1,20
4	Nguyễn Bình Khiêm	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1,00
		Phan Bội Châu	Hết đường (Ngô Bá Lân thừa đất 57, TBD số 23)	1,20
5	Trần Đại Nghĩa	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1,00

		Phan Bội Châu	Bế Văn Đàn	1,00
6	Nguyễn Viết Xuân	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1,00
		Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Du	1,00
		Nguyễn Du	Giáp phường Đạt Hiếu	1,20
7	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	1,00
		Nguyễn Bình khiêm	Nguyễn Du	1,00
8	Nguyễn Đình Chiểu	Hùng Vương	Phan Bội Châu	1,00
		Phan Bội Châu	Hết chùa An Lạc	1,00
		Chùa An Lạc	Ngã ba Trần Hưng Đạo	1,00
9	Kim Đồng	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	1,00
10	Võ Thị Sáu	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	1,00
11	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1,20
		Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1,20
		Phan Bội Châu	Hết ranh giới chùa An Lạc	1,20
		Hết ranh giới chùa An Lạc	Đầu thửa đất bà Cảnh	1,10
		Đầu thửa đất bà Cảnh	Ngô Đức Kế	1,10
		Ngô Đức Kế	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	1,10
		Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	1,10
		Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Cầu RôSy	1,10
12	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	1,00
		Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1,00
13	Lê Duẩn	Tôn Thất Tùng	Lê Hồng Phong	1,00

		Lê Hồng Phong	Hết đường	1,00
14	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Lê Duẩn	1,00
15	Phạm Văn Đồng	Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1,00
16	Ama Khê	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1,00
17	Tôn Thất Tùng	Hùng Vương	Hai Bà Trưng	1,00
18	Nơ Trang Long	Hùng Vương	Lý Tự Trọng	1,20
		Lý Tự Trọng	Nguyễn Hữu Cảnh	1,20
		Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp Hải	1,60
		Giáp Hải	Đinh Núp	1,50
		Đinh Núp	Đến Cầu Buôn Tring	1,40
19	Huỳnh Thúc Kháng	Phan Đình Phùng	Trần Cao Vân	1,00
20	Đinh Công Tráng	Huỳnh Thúc Kháng	Lý Tự Trọng	1,30
21	Lý Tự Trọng	Nơ Trang Long	Nguyễn Văn Cừ	1,20
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh giới phường Thiện An	1,40
22	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,00
		Nguyễn Trung Trực	Lý Tự Trọng	1,00
23	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Văn Cừ	Giáp phường Thiện An	1,00
24	Trần Cao Vân	Hùng Vương	Huỳnh Thúc Kháng	1,00
		Huỳnh Thúc Kháng	Lý Tự Trọng	1,00
25	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,00
26	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Đại Nghĩa	1,00
		Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Du	1,20
		Nguyễn Du	Nguyễn Đình Chiểu (phía đông Bắc)	1,20

27	Bể Văn Đàn	Nguyễn Đình Chiêu	Trần Đại Nghĩa	1,00
		Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Bình Khiêm	1,00
28	Ngô Đức Kế	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá (Lô A và lô B)	1,00
		Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường xương cá (Lô C và lô D)	1,00
		Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường xương cá (Lô F và lô G)	1,00
		Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường xương cá (Lô I)	1,00
29	Đường song song với đường Ngô Đức Kế phía Tây	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá (Lô A và lô B)	1,00
		Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường xương cá (Lô C và lô D)	1,00
		Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường xương cá (Lô F và lô G)	1,00
		Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường xương cá (Lô I)	1,00
30	Đường xương cá (Lô A)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Hết đất ông Hoa Dư (thửa đất 03, TBĐ số 01),	1,00
31	Đường xương cá (Lô A và lô B)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
		Ngô Đức Kế	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Đông	1,00
32	Đường xương cá (Lô B)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
33	Đường xương cá (Lô C)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
34	Đường xương cá (Lô C và lô D)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00

		Ngô Đức Kế	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Đông	1,00
35	Đường xương cá (Lô D và lô E)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
36	Đường xương cá (Lô E và lô F)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
37	Đường xương cá (Lô F và lô G)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
38	Đường xương cá (Lô G và lô H)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
39	Đường xương cá (Lô H và lô I)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
41	Đường xương cá (Lô I)	Đường song song với Ngô Đức Kế phía Tây	Ngô Đức Kế	1,00
41	Trần Quốc Thảo	Trần Hưng Đạo	Đường xương cá số 0	1,00
		Đường xương cá số 0	Đường xương cá số 1	1,00
		Đường xương cá số 1	Đường xương cá số 2	1,00
		Đường xương cá số 2	Đường xương cá số 3	1,00
		Đường xương cá số 3	Đường xương cá số 4	1,00
42	Đường xương cá số 0			1,00
43	Đường xương cá số 1			1,00
44	Đường xương cá số 2			1,00
45	Đường xương cá số 3			1,00
46	Đường xương cá số 4			1,00
47	Nguyễn Hữu Tiên	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo + 50 m	1,00
		Trần Hưng Đạo + 50 m	Trần Hưng Đạo + 150 m	1,00

		Trần Hưng Đạo + 150 m	Hết đường (giáp đất Lê Minh Thuần thửa đất 50, TBĐ số 02)	1,00
48	Đường song song nằm giữa đường Trần Quốc Thảo và Nguyễn Hữu Tiên	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo + 50 m	1,00
		Trần Hưng Đạo + 50 m	Trần Hưng Đạo + 150 m	1,00
		Trần Hưng Đạo +150m	Hết đường (theo QH giao Thông)	1,00
49	Võ Văn Tần	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới đất ông Trần Ngọc Hiếu (thửa đất 19, TBĐ số 3)	1,00
		Hết ranh giới đất ông Trần Ngọc Hiếu (thửa đất 19, TBĐ số 3)	Hết ranh giới đất ông Dương Trung Hiếu (thửa đất 57, TBĐ số 3)	1,00
		Hết ranh giới đất ông Dương Trung Hiếu (thửa đất 57, TBĐ số 3)	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Trăn (thửa đất 100, TBĐ số 3)	1,00
		Hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Trăn (thửa đất 100, TBĐ số 3)	Tô Hiệu	1,00
50	Tô Hiệu	Võ Văn Tần	Tiếp giáp với đường song song nằm giữa đường Trần Quốc Thảo và Nguyễn Hữu Tiên	1,00
51	Thi Sách	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1,00
		Phạm Phú Thứ	Hết ranh giới thửa đất ông Bé Văn Minh (thửa đất 86, TBĐ số 10)	1,00
52	Nguyễn Hữu Cảnh	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Hết đường (hết ranh giới đất nhà ông Y B Lom)	1,00
53	Lê Đại Hành	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1,00

		Phạm Phú Thứ	Hết đường (hết ranh giới đất nhà bà A Mí Sa)	1,00
54	Y Ngông Niê Kdăm	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Phạm Phú Thứ	1,00
		Phạm Phú Thứ	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1,00
55	Bùi Hữu Nghĩa	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Y Ngông Niê Kdăm	1,00
56	Giáp Hải	Nơ Trang Long	Phan Kiệm	1,00
		Phan Kiệm	Trần Khánh Dư	1,00
57	Huỳnh Văn Bánh	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1,00
58	Nguyễn Hiền	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1,00
59	Trần Khánh Dư	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	1,00
60	Đinh Núp	Nơ Trang Long	Hết đường	1,00
61	Trần Cảnh	Nơ Trang Long	Hết đường	1,00
62	AMí Đoan	Y Ngông Niê Kdăm	Nơ Trang Long	1,00
63	Phan Kiệm	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1,00
		Y Ngông Niê Kdăm	Hết đường (hết ranh giới đất nhà ông Y Ju)	1,00
64	Y Đôn	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1,00
		Y Ngông Niê Kdăm	Hết đường (hết ranh giới đất nhà ông Y Dươn)	1,00
65	Phạm Phú Thứ	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	1,00

		Y Nông Niê Kdăm	Hết đường (giáp suối Krông Búk)	1,00
66	Khu đô thị Đông Nam, đường Trần Hưng Đạo			
	Đường N1	Đường N6	Đường N8	1,00
	Đường N2	Đường N8	Đường N6	1,00
		Đường N6	Trần Quốc Thảo	1,00
	Đường N3	Đường N6	Đường N7	1,00
	Đường N4	Đường N7	Đường N8	1,00
	Đường N5	Đường N7	Đường N8	1,00
	Đường N6	Đường N2	Đường N4	1,00
		Đường N4	Đường N5	1,00
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường N2	1,00
	Đường N7	Đường N3	Đường N5	1,00
	Đường N8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường N4	1,00
		Đường N4	Đường N5	1,00
	Đường N10	Đường N8	Đường N7	1,00
	Đường N12	Đường N1	Đường N2	1,00
		Đường N2	Đường N10	1,00
	Đường N13	Đường N7	Đường N8	1,00
	Đường N14	Đường N7	Đường N8	1,00
	Đường N15	Đường N5	Đường N8	1,00
67	Đường N9	Đường N2	Hết Chi cục thuế	1,00
68	Khu vực còn lại			1,00
II	Phường An Bình			
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	An Dương Vương	Nguyễn Hữu Thọ	1,10

		Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Trãi	1,10
		Nguyễn Trãi	Hoàng Diệu	1,10
		Hoàng Diệu	Phạm Ngũ Lão	1,20
		Phạm Ngũ Lão	Hết ranh giới Nhà văn hóa TX, Buôn Hồ	1,20
		Hết ranh giới Nhà văn hóa TX, Buôn Hồ	Lê Quý Đôn	1,10
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	1,10
		Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Nguyên Hân	1,10
2	An Dương Vương	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00
		Nguyễn Tất Thành	Âu Cơ	1,00
3	Nguyễn Đức Cảnh	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất nhà bà Lê Thị Xuân Mai (thửa đất 98, TBĐ số 13)	1,00
4	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Hết ranh giới đất nhà ông Phan Hữu Thiện (thửa đất 28, TBĐ số 53)	1,00
5	Đường song song với Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Đức Cảnh	Nguyễn Hữu Thọ	1,00
6	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Bà Triệu	1,00
		Bà Triệu	Thánh thất Buôn Hồ	1,00
		Thánh thất Buôn Hồ	Âu Cơ	1,00
7	Chu Văn An	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00

8	Quang Trung	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00
		Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Hết ranh giới đất nhà ông Thái Bá Hùng (thửa đất 175, TĐĐ số 09)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Thái Bá Hùng (thửa đất 175, TĐĐ số 09)	Hết đường	1,00
9	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,20
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1,20
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới đất Cty TNHH TM DV SX Đặng Tiến	1,00
		Hết ranh giới đất Cty TNHH TM DV SX Đặng Tiến	Hết ranh giới thửa đất ông Kiều Thanh Thăng (thửa đất 129, TĐĐ số 09)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất ông Kiều Thanh Thăng (thửa đất 129, TĐĐ số 09)	Hết ranh giới thửa đất ông Hoàng Minh Chuyên (thửa đất 112, TĐĐ số 09)	1,00
10	Phạm Ngũ Lão	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
11	Phạm Ngọc Thạch	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
12	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,10
		Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới nhà ông Lương Văn Rô (thửa đất 9 TĐĐ số 38)	1,10
		Hết ranh giới nhà ông Lương Văn Rô (thửa đất 9, TĐĐ số 38)	Hết ranh giới nhà ông Lê Quốc Hùng (thửa đất 13, TĐĐ số 32)	1,10
		Hết ranh giới nhà ông Lê Quốc Hùng (thửa đất 13, tờ bản đồ số 32)	Hết ranh giới nhà ông Ngô Công Thanh (thửa đất 23, tờ bản đồ số 09)	1,10

		Hết ranh giới nhà ông Ngô Công Thanh (thửa đất 23, tờ bản đồ số 09)	Cầu bà Tĩnh	1,10
13	Nguyễn Tri Phương	Hùng Vương	Nguyễn Thị Định	1,00
		Nguyễn Thị Định	Hết ranh giới thửa đất bà Nguyễn Thị Thu (thửa đất 57, TĐĐ số 34)	1,00
14	Nguyễn Thị Minh Khai	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
		Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết Liên (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4)	1,00
		Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết Liên (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4)	Hết đường	1,00
15	Phan Đăng Lưu	Chu Văn An	Quang Trung	1,00
16	Trần Phú	Chu Văn An	Quang Trung	1,00
		Quang Trung	Hoàng Diệu	1,00
		Hoàng Diệu	Phạm Ngũ Lão	1,00
17	Nguyễn Chí Thanh	Bùi Thị Xuân	Hoàng Diệu	1,00
		Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1,20
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Tri Phương	1,20
		Nguyễn Tri Phương	Văn Tiến Dũng	1,20
		Văn Tiến Dũng	Giáp phường Đạt Hiếu	1,20
18	Nguyễn Tất Thành	An Dương Vương	Nguyễn Trãi	1,20
		Nguyễn Trãi	Quang Trung	1,00
		Quang Trung	Hoàng Diệu	1,00
		Hoàng Diệu	Lê Quý Đôn	1,00
19	Trần Quốc Toản	Nguyễn Trãi	Y Jút	1,00

20	Lê Lai	Nguyễn Trãi	Y Jút	1,00
21	Y Jut	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Trần Anh Tú (thửa đất 19, TBD số 13)	1,00
22	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	1,00
23	Ngô Quyền	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1,00
24	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1,00
25	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Tự Trị (thửa đất 140, TBD số 9)	1,00
26	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1,00
27	Phan Chu Trinh	Nguyễn Trãi	Quang Trung	1,00
		Quang Trung	Đình Tiên Hoàng	1,00
28	Nguyễn Thị Định	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tri Phương	1,00
29	Âu Cơ	An Vương Dương (ngã ba ranh giới An Bình - Đoàn Kết)	Nguyễn Trãi	1,00
		Nguyễn Trãi	Hết đất nhà Nguyễn Đình Hiệp (thửa đất 03, TBD số 16)	1,00
30	Trần Nguyên Hãn	Hùng Vương	Đổi diện Đặng Thai Mai	1,00
31	Nguyễn Thuyên	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
32	Văn Tiến Dũng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1,00
		Nguyễn Chí Thanh	Trần Nguyên Hãn	1,00
33	Lê Văn Sỹ	Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu	1,00
34	Phan Đình Giót	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	1,00

35	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trọng Tuyển	1,00
		Nguyễn Trọng Tuyển	Hết đất nhà ông Hoàng Ngọc Châu (thửa đất 141, TĐĐ số 9)	1,00
36	Lê Văn Hưu	Nguyễn Trãi	Ngã ba nhà ông Trần Văn Bình (thửa đất 98, TĐĐ số 19)	1,00
		Ngã ba nhà ông Trần Văn Bình (thửa đất 98, TĐĐ số 19)	An Dương Vương	1,00
37	Bà Triệu	Nguyễn Trãi	Lê Văn Hưu	1,00
38	Lạc Long Quân (bao gồm phần giao thông phía Bắc đường Nguyễn Trãi)	Nguyễn Trãi	An Dương Vương	1,00
		Nguyễn Trãi	Hết đất nhà ông Phạm Thanh Tài (thửa đất 01 TĐĐ số 08)	1,20
39	Hồ Tùng Mậu	Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Đinh Văn Ruyên (thửa đất 01, TĐĐ số 13)	1,00
40	Đường chưa đặt tên thuộc TDP 8	Y Jút	Ngã ba Phan Chu Chinh	1,00
		Phan Chu Trinh	Hết đất nhà ông Nguyễn Sâm (thửa đất 34, TĐĐ số 49)	1,00
41	Đường chưa đặt tên thuộc TDP 7 và 8	Ngã ba Hồ Tùng Mậu	Ngã ba Lê Lợi	1,00
42	Nguyễn Trọng Tuyển	Hoàng Diệu	Nguyễn An Ninh	1,00
43	Khu vực còn lại			1,00
III	Phường Bình Tân			
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Đầu cầu Hà Lan (giáp ranh phường Thống Nhất)	Trần Khát Chân	1,10

		Trần Khát Chân	Trần Quang Khải	1,10
		Trần Quang Khải	Đặng Thái Thân	1,10
		Đặng Thái Thân	Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Đạo (thửa đất 105, TĐĐ số 34)	1,10
		Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Đạo (thửa đất 105, TĐĐ số 34)	Hết phường Bình Tân	1,10
2	Phan Phú Tiên	Hùng Vương	Ngã ba nhà ông Võ Đức Toàn (thửa đất 68, TĐĐ số 23)	1,00
		Ngã ba nhà ông Võ Đức Toàn (thửa đất 68, TĐĐ số 23)	Trần Quý Cáp	1,00
		Trần Quý Cáp	Hết đường	1,00
3	Trần Quý Cáp	Trần Khát Chân	Ngã ba giao nhau với đường Phan Phú Tiên	1,00
4	Trần Khắc Chân	Hùng Vương	Ngã ba đường vào chợ	1,00
		Ngã ba đường vào chợ	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thu Hà (thửa đất 15, TĐĐ số 28)	1,10
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thu Hà (thửa đất 15, TĐĐ số 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tiến (thửa đất 26, TĐĐ số 28)	1,00
5	Trịnh Công Sơn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Đình Mỹ (thửa đất 106, TĐĐ số 22)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Đình Mỹ (thửa đất 106, TĐĐ số 22)	Phạm Kính Ân	1,00

6	Phạm Kính Ân	Hùng Vương	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoá)	1,00
7	Trương Hán Siêu	Hùng Vương	Lê Văn Thiêm	1,00
		Lê Văn Thiêm	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nguyễn Đình Khôi (thửa đất 279, TĐĐ số 27)	1,00
8	Lê Văn Thiêm	Trần Quang Khải	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thành)	1,00
9	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Lê Văn Thiêm	1,00
		Lê Văn Thiêm	Lê Ngọc Hân	1,00
		Lê Ngọc Hân	Trường Lê Quý Đôn	1,00
		Trường Lê Quý Đôn	Hùng Vương	1,00
10	Lê Ngọc Hân	Trần Quang Khải	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hiệu)	1,00
11	Cao Bá Quát	Hùng Vương	Trần Quang Khải	1,00
12	Đặng Thái Thân	Hùng Vương	Trần Quang Khải	1,00
13	Nguyễn Chánh	Đặng Thái Thân	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Minh)	1,00
14	Tiểu La	Hùng Vương	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thành Trung)	1,00
15	Phan Kế Bính	Hùng Vương	Hoàng Hoa Thám	1,00
		Hoàng Hoa Thám	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Kim Vượng, thửa đất 115, TĐĐ số 04)	1,00
16	Lưu Trọng Lư	Hùng Vương	Hoàng Hoa Thám	1,00
		Hoàng Hoa Thám	Đào Duy Từ	1,00

17	Đào Duy Từ	Hoàng Hoa Thám	Kỳ Đồng	1,00
18	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Đào Duy Từ	1,00
19	Lê Hữu Phước	Hùng Vương	Đào Duy Từ	1,00
20	Xuân Hồng	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
21	Tổ Hữu	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
		Đào Duy Từ	Hết ranh giới thửa đất trường THCS Đình Tiên Hoàng	1,00
22	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	Kỳ Đồng	1,00
23	Nguyễn Văn Huyền	Xuân Hồng	Nguyễn Thị Suốt	1,00
24	Nguyễn Thượng Hiền	Tổ Hữu	Huyền Quang	1,00
25	Thanh Tịnh	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
26	Nguyễn Quốc Trị	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
27	Nguyễn Thị Suốt	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
28	Hoàng Hoa Thám	Phan Kế Bính	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Tiến)	1,00
29	Huyền Quang	Nguyễn Thị Suốt	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hoàng Thanh Sang (thửa đất 156, TĐĐ số 03)	1,00
30	Trịnh Đình Thảo	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
31	Cao Thắng	Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00

32	Đào Duy Anh	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
33	Nguyễn Chí Diểu	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
34	Nguyễn Văn Bé	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
35	Kỳ Đồng	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1,00
		Hoàng Văn Thụ	Đào Duy Từ	1,00
36	Nguyễn Thái Học	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà Trần Đức Long (thửa đất 188, TBD số 31)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Long (thửa đất 188, TBD số 31)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Kim Lành, thửa đất 214, TBD số 31)	1,00
37	Nguyễn Lâm	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Trần Đức An, thửa đất 228, TBD số 31)	1,00
38	Vũ Hữu	Nguyễn Lâm	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Trị, thửa đất 98, TBD số 34)	1,00
39	Hẻm 1	Hùng Vương	Nhà ông Nguyễn Văn Hiếu (thửa đất 58, TBD số 27)	1,00
40	Hẻm 2	Hùng Vương	Nhà bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (thửa đất 03, TBD số 35)	1,00
41	Hẻm 3	Hùng Vương	Nhà ông Lâm Quốc Việt (thửa đất 24, TBD số 34)	1,00
42	Khu vực còn lại			1,00
IV	Phường Đạt Hiếu			

1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Nguyễn Duy Trinh (giáp ranh xã Pong Drang)	Trần Văn Trà (hết ranh giới đất chùa Đạt Hiếu)	1,20
		Trần Văn Trà (hết ranh giới đất chùa Đạt Hiếu)	Giáp ranh giới phường An Lạc, An Bình	1,20
2	Trần Hưng Đạo	Giáp ranh giới phường An Lạc	Trụ sở Công ty cà phê Buôn Hồ	1,10
		Trụ sở Công ty cà phê Buôn Hồ	Cầu RôSy	1,10
3	Nguyễn Duy Trinh (đường vào nghĩa địa Tân Lập I)	Hùng Vương	Thửa đất 15, TBĐ số 28	1,00
		Thửa đất 15, TBĐ số 28	Đầu ranh giới Nghĩa địa	1,00
4	Hoàng Việt (đường đi đập tràn)	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thanh Định (thửa đất 222, TBĐ số 28)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thanh Định (thửa đất 222, TBĐ số 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Tấn (thửa đất 39, TBĐ số 29)	1,00
5	Đường vào khu B	Hùng Vương	Giáp ranh giới cổng nghĩa địa khu B	1,00
6	Nguyễn Lương Bằng	Hùng Vương	Đường vào nghĩa địa khu C	1,00
		Đường vào khu C	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Quang Toàn (thửa đất 33, TBĐ số 35)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Quang Toàn (thửa đất 33, TBĐ số 35)	Đến ngã ba Trần Huy Liệu	1,00
		Trần Hưng Đạo	Hết Cổng cây Đa (thửa đất 131, TBĐ số 11)	1,00
		Cổng cây Đa (thửa đất 131, thuộc TBĐ số 11)	Hết tổ dân phố 2	1,00
		Hết tổ dân phố 2	Giáp đường Trần Huy Liệu	1,00

7	Tôn Thất Thuyết	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn An Ca (thửa đất 4, TĐĐ số 41)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn An Ca (thửa đất 4, TĐĐ số 41)	Ngã ba Trần Huy Liệu	1,00
8	Trần Nguyên Hãn (giáp phường An Bình)	Hùng Vương	Ngã ba Đặng Thai Mai	1,00
		Ngã ba Đặng Thai Mai	Giáp đường Lương Thế Vinh	1,00
9	Lương Thế Vinh	Hùng Vương	Ngã tư Văn Tiến Dũng	1,00
		Ngã tư Văn Tiến Dũng	Hết ranh giới đất Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	1,00
		Hết ranh giới đất Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	Hết ranh giới thửa đất 11, TĐĐ số 42	1,00
		Hết ranh giới thửa đất 11, TĐĐ số 42	Trần Nguyên Hãn	1,00
		Trần Nguyên Hãn	Đập giao thủy	1,00
10	Trần Văn Trà (đường vào chùa Đạt Hiếu)	Hùng Vương	Ngô Thi Nhậm	1,20
11	Nguyễn Kim (đường vào thôn Đạt Hiếu 5)	Hùng Vương	Đặng Thai Mai	1,00
12	Mạc Đình Chi	Hùng Vương	Ngã ba Trịnh Hoài Đức	1,00
		Ngã ba Trịnh Hoài Đức	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thái (thửa đất 32, TĐĐ số 39)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thái (thửa đất 32, TĐĐ số 39)	Hết ranh giới thửa đất 66, TĐĐ số 38	1,00

		Hết ranh giới thửa đất 66, TBD 38	Hết đường	1,00
13	Đường vào TDP Đạt Hiếu 7 (ngã ba nhà ông Lê Xứng)	Hùng Vương	Ngã ba Văn Tiến Dũng	1,00
14	Trần Nhật Duật (đường vào trung tâm TDP Đạt Hiếu 4)	Hùng Vương	Ngã tư Văn Tiến Dũng	1,00
		Ngã tư Văn Tiến Dũng	Ngã tư Trịnh Hoài Đức	1,00
		Ngã tư Trịnh Hoài Đức	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Văn Phẩm thửa 02, TBD số 39)	1,00
15	Y Yon Niê (đường vào Cầu Đường)	Hùng Vương	Trịnh Hoài Đức	1,00
		Trịnh Hoài Đức	Ngã tư Y Thuyền KSo'r	1,00
		Ngã tư Y Thuyền KSo'r	Mạc Đăng Dung	1,00
16	Y Thuyền Kso'r (đường vào buôn Klia)	Hùng Vương	Y Yon Niê	1,00
		Y Yon Niê	Mai Xuân Thưởng	1,20
17	Hải Triều (đường vào Sân vườn Tính Nên)	Trần Hưng Đạo	Hết ranh giới đất Nhà hàng sân vườn Tính Nên (thửa đất 24, TBD số 11)	1,00
		Hết ranh giới đất Nhà hàng sân vườn Tính Nên (thửa đất 24, TBD số 11)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Tám (thửa đất 11, TBD số 11)	1,00
18	Nguyễn Viết Xuân	Giáp phường An Lạc	Tôn Thất Thuyết	1,00
19	Nguyễn Chí Thanh	Giáp phường An Bình	Trần Nhật Duật	1,00
		Trần Nhật Duật	Y Yon Niê	1,00
20	Văn Tiến Dũng	Trần Nguyên Hãn	Trần Nhật Duật	1,00
		Trần Nhật Duật	Y Yon Niê	1,00
21	Ngô Thị Nhậm	Trần Văn Trà	Cao Đạt	1,00

		Cao Đạt	Hết thửa đất 18, TĐĐ số 44	1,00
22	Đặng Thai Mai	Trần Nguyên Hân	Nguyễn Kim	1,00
23	Trịnh Hoài Đức	Ngã ba Mạc Đình Chi	Ngã ba Y Yon Niê	1,00
24	Cao Đạt (Giáp Đạt Hiếu 2,3)	Hùng Vương	Ngã ba Ngô Thị Nhậm	1,00
		Ngã ba Ngô Thị Nhậm	Giáp đường Trần Huy Liệu	1,00
25	Trần Huy Liệu	Ngã ba Nguyễn Lương Bằng	Tôn Thất Thuyết	1,00
		Tôn Thất Thuyết	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Lý (thửa đất 32, TĐĐ số 41)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Lý (thửa đất 32, TĐĐ số 41)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lại Thanh Đồng (thửa đất 15, TĐĐ số 44)	1,00
26	Đường đối diện đường Lương Thế Vinh	Hùng Vương	Trần Huy Liệu	1,00
27	Đường giáp ranh giới phường An Lạc	Hùng Vương	Giáp đường Nguyễn Viết Xuân	1,00
28	Phan Huy Chú	Y Yon Niê	Y Thuyền KSo'r	1,00
29	Sư Vạn Hạnh	Thửa đất nhà ông Y Hiat Mlô (thửa đất 27, TĐĐ số 26)	Hết ranh giới thửa đất 69, TĐĐ số 32	1,20
30	Vi Thủ An	Y Thuyền Kso'r	Hết ranh giới thửa đất 06, TĐĐ số 21	1,00
31	Huỳnh Văn Nghệ	Y Yon Niê	Hết ranh giới thửa đất 15, TĐĐ số 32	1,00
32	Y Ni Kso'r	Mạc Đăng Dung	Hết ranh giới thửa đất 21, TĐĐ số 33	1,00

33	Mai Xuân Thường	Mạc Đăng Dung	Y Thuyền KSo'r	1,20
34	Mạc Đăng Dung	Đầu ranh giới đất nhà ông Y Sisat Mlô (thửa đất 41, TĐĐ số 26)	Hết ranh giới thửa đất 05, TĐĐ số 38	1,20
35	Hẻm số 1	Tôn Thất Thuyết	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1,00
36	Khu vực còn lại			1,00
V	Phường Đoàn Kết			
1	An Dương Vương	Giáp phường Thiện An	Hàm Nghi	1,00
		Hàm Nghi	Âu Cơ (giáp phường An Bình)	1,00
2	Hoàng Quốc Việt	Đầu cầu 12/3 (giáp phường Thiện An)	Nguyễn Thị Thập	1,00
		Nguyễn Thị Thập	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Man Đức Hoà (thửa đất 111, TĐĐ số 09)	1,00
3	Hàm Nghi	An Dương Vương	Âu Cơ	1,00
4	Huỳnh Tấn Phát	Âu Cơ	Nguyễn Thị Thập (ngã ba TDP 4)	1,00
5	Âu Cơ	Cầu bà Tiên	Hết ranh giới thửa đất nhà ông ông Lắm TDP 2 (thửa đất 40, TĐĐ số 21)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông ông Lắm TDP 2 (thửa đất 40, TĐĐ số 21)	Cuối đường Âu Cơ (giáp phường Thiện An)	1,00
6	Lê Văn Hưu	An Dương Vương	Âu Cơ	1,00
7	Tăng Bạt Hổ	Trần Quốc Hoàn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Như Xuân (thửa đất 34, TĐĐ số 18)	1,00

8	Trần Quốc Hoàn	Đầu ranh giới đất thửa đất ông Hồ Thanh Hải (thửa đất 12, TBĐ số 16)	Hết ranh giới thửa đất bà Nguyễn Thị Tuyết (thửa đất 86, TBĐ số 15)	1,00
9	Nguyễn Thị Thập	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Anh Tuấn (thửa đất 40, TBĐ số 04)	Hồ Xuân Hương	1,00
		Hồ Xuân Hương	Trần Quốc Hoàn	1,00
10	Hồ Xuân Hương	Âu Cơ	Đầu ranh giới thửa đất nhà Trần Văn Nguyên (thửa đất 54, TBĐ số 9)	1,00
11	Lạc Long Quân (nổi dài)	An Dương Vương	Hàm Nghi	1,00
12	Tán Thuật	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Thị Thập	1,00
13	Khu vực còn lại			1,00
VI	Phường Thiện An			
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Giáp ranh phường Thống Nhất	Hoàng Quốc Việt	1,10
		Hoàng Quốc Việt	Lê Đức Thọ	1,10
		Lê Đức Thọ	Nguyễn Hồng	1,10
		Nguyễn Hồng	Hải Thượng Lãn Ông	1,10
		Hải Thượng Lãn Ông	Phan Đình Phùng	1,10
2	Hoàng Quốc Việt	Hùng Vương	Giáp ranh giới phường Đoàn Kết	1,20
3	An Dương Vương	Hùng Vương	Nguyễn Tất Thành	1,00
		Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Đoàn Kết	1,00
4	Nguyễn Hồng	Hùng Vương	Lý Tự Trọng	1,00
		Lý Tự Trọng	Mai Hắc Đế	1,00
5	Bùi Xuân Phái	Nguyễn Hồng	Mai Hắc Đế	1,00

6	Mai Hắc Đế (giáp ranh giới phường An Lạc)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Trần Kim Lê (thửa đất 6, TBĐ số 17)	Bùi Xuân Phái	1,00
7	Chu Mạnh Trinh	Hùng Vương	Hải Thượng Lãn Ông	1,00
8	Ngô Mây	Hùng Vương	Đến hết ranh giới Trạm Y Tế phường)	1,00
9	Lê Đức Thọ	Hùng Vương	Đến hết ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Như Vĩnh (thửa đất 36, TBĐ số 5)	1,00
10	Nguyễn Trung Trực	Giáp phường An Lạc	Nguyễn Hồng (sau đất chùa Thiện An)	1,00
		Nguyễn Hồng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Cao Văn Thạnh (thửa đất 101, TBĐ số 20)	1,00
11	Hải Thượng Lãn Ông	Hùng Vương	Chu Mạnh Trinh	1,20
12	Nguyễn Tuân	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,00
		Nguyễn Trung Trực	Lý Tự Trọng	1,00
13	Nguyễn Huy Tường	Hùng Vương	Hùng Vương + 300 m	1,00
		Hùng Vương + 300 m	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Trịnh Bá Lộc (thửa đất 15, TBĐ số 10)	1,00
14	Nguyễn Tất Thành	An Dương Vương	Nguyễn Lâm	1,00
15	Tổng Duy Tân	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Bá (thửa đất 104, tờ bản đồ số 09)	1,20
16	Văn Cao	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Dương Công Cần (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 09)	1,00

17	Nguyễn Cư Trinh	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Ánh (thửa đất 60, TĐĐ số 09)	1,20
18	Nguyễn Lâm	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Văn Oanh (thửa đất 107, TĐĐ số 09)	1,00
19	Phạm Hồng Thái	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Ngọc (thửa đất 90, TĐĐ số 10)	1,20
20	Trịnh Văn Cẩn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Thuỷ (thửa đất 135, TĐĐ số 09)	1,20
21	Đoàn Khuê	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,00
		Nguyễn Trung Trực	Bùi Xuân Phái	1,00
22	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,00
		Nguyễn Trung Trực	Mai Hắc Đế	1,00
23	Ông Ích Khiêm	Hùng Vương	Ngã ba Nguyễn Tất Thành	1,00
24	Lý Tự Trọng	Giáp ranh giới phường An Lạc	Hết ranh giới thửa đất ông Phan Long Thừa (thửa đất 27, TĐĐ số 20)	1,00
25	Cao Xuân Huy	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Anh Chúc (thửa đất số 5, tờ bản đồ 41)	1,00
26	Các đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Thanh Xuân	Nguyễn Tất Thành	1,00
27	Khu vực còn lại			1,00
VII	Phường Thống Nhất			
1	Hùng Vương (Quốc lộ 14)	Giáp phường Bình Tân	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Thanh Linh (thửa đất 3, TĐĐ số 28)	1,10
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Thanh Linh (thửa đất 3, TĐĐ số 28)	Giáp phường Thiện An	1,10

2	Cù Chính Lan	Hùng Vương	Ngã tư Nguyễn Huy Tụ	1,00
		Ngã tư Nguyễn Huy Tụ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hồ Văn Hùng (thửa đất 6, TĐĐ số 24)	1,00
3	Lê Chân	Hùng Vương	Ngã tư Nguyễn Huy Tụ	1,00
		Ngã tư Nguyễn Huy Tụ	Ngã tư Vũ Trọng Bình - Lê Chân	1,00
		Ngã tư Vũ Trọng Bình - Lê Chân	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thiện Ân (thửa đất 32, TĐĐ số 24)	1,00
4	Vũ Thục Nương	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hà (thửa đất 105, TĐĐ số 23)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hà (thửa đất 105, TĐĐ số 23)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Khẩn (thửa đất 12, TĐĐ số 28)	1,00
5	Phùng Thị Chính	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Cồ Quốc Bảo (thửa đất 139, TĐĐ số 28)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Cồ Quốc Bảo (thửa đất 139, TĐĐ số 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thanh Quang (thửa đất 45, TĐĐ số 28)	1,00
6	Phù Đồng Thiên Vương	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Lộc (thửa đất 77, TĐĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà Lê Văn Lộc (thửa đất 77, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà Nguyễn Hữu Phong (thửa đất 73, TĐĐ số 27)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Phong (thửa đất 73, TĐĐ số 27)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Vũ Tiến Hương (thửa đất 20, TĐĐ số 13)	1,00
7	Phó Đức Chính	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Vũ Vương (thửa đất 5, TĐĐ số 38)	1,00

		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Vũ Vương (thửa đất 5, TBĐ số 38)	Tú Xương	1,00
8	Dương Văn Nga	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Cao Minh Dũng (thửa đất 29, TBĐ số 38)	1,00
9	Hàn Mặc Tử	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Phong (thửa đất 54, TBĐ số 38)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Phong (thửa đất 54, TBĐ số 38)	Tú Xương	1,00
10	Lý Công Bình	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Đức Lệ (thửa đất 154, TBĐ số 38)	1,00
11	Lý Chiêu Hoàng	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Quốc Hùng (thửa đất 302, TBĐ số 38)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Quốc Hùng (thửa đất 302, TBĐ số 38)	Hàn Mặc Tử	1,00
		Hàn Mặc Tử	Ngã ba Phù Đồng Thiên Vương	1,00
12	Đình Liễn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Ngọc Long (thửa đất 101, TBĐ số 37)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà Nguyễn Ngọc Long (thửa đất 101, TBĐ số 37)	Trần Văn Ôn	1,00
13	Tản Đà	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Lan (thửa đất 52, TBĐ số 44)	1,00

14	Nguyễn Khuyển	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đầu Hán (thửa đất 63, TĐĐ số 43)	1,00
15	Trương Vĩnh Ký	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Kính (thửa đất 160, TĐĐ số 44)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tính (thửa đất 160, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bùi Viết Quốc (thửa đất 130, TĐĐ số 43)	1,00
16	Nguyễn Bình	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Toàn (thửa đất 206, TĐĐ số 44)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Toàn (thửa đất 206, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bùi Đình Lý (thửa đất 169, TĐĐ số 43)	1,00
17	Duy Tân	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Ngọc Quê (thửa đất 183, TĐĐ số 43)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Ngọc Quê (thửa đất 183, TĐĐ số 43)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Thế Kỳ (thửa đất 172, TĐĐ số 43)	1,00
18	Đặng Tất	Hùng Vương	Ngã ba Phù Đồng Thiên Vương	1,00
19	Phùng Hưng	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1,00
20	Khúc Thừa Dụ	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1,00
21	Dương Đình Nghệ	Hùng Vương	Nguyễn Thiếp	1,00
22	Trần Thủ Độ	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Chắt (thửa đất 20, TĐĐ số 29)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Chắt (thửa đất 20, TĐĐ số 29)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thế Bộ (thửa đất 19, TĐĐ số 29)	1,00

23	Đặng Nguyên Cẩn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Văn Mỹ (thửa đất 84, TBĐ số 28)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Văn Mỹ (thửa đất 84, TBĐ số 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Anh Kim (thửa đất 97, TBĐ số 29)	1,00
24	Bùi Huy Bích	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bạch Kim Thảo (thửa đất 116, TBĐ số 28)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bạch Kim Thảo (thửa đất 116, TBĐ số 28)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Lầu (thửa đất 119, TBĐ số 29)	1,00
25	Dã Tượng	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Trọng Luyện (thửa đất 7, TBĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Trọng Luyện (thửa đất 7, TBĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Thử (thửa đất 45, TBĐ số 33)	1,00
26	Yết Kiêu	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Hoàng Kim Lan (thửa đất 155, TBĐ số 33)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Hoàng Kim Lan (thửa đất 155, TBĐ số 33)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn (thửa đất 78, TBĐ số 33)	1,00
27	Nguyễn Văn Siêu	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Ninh (thửa đất 87, TBĐ số 33)	1,00
28	Bà Huyện Thanh Quan	Hùng Vương	Yết Kiêu	1,00
29	Nguyễn Thi	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Hoàng Thị Lệ (thửa đất 41, TBĐ số 39)	1,00

		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Hoàng Thị Lệ (thửa đất 41, TĐĐ số 39)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Đình Mỹ (thửa đất 55, TĐĐ số 40)	1,00
30	Lê Công Kiều	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Tùng (thửa đất 70, TĐĐ số 39)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Tùng (thửa đất 70, TĐĐ số 39)	Ngã 5 Nguyễn Thi	1,00
31	Phan Văn Khỏe	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đinh Ngọc Hiếu (thửa đất 84, TĐĐ số 39)	1,00
32	Cổng Quỳnh	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Ngọc Thanh (thửa đất 107, TĐĐ số 39)	1,00
33	Mai Thị Lựu	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Anh Sơn (thửa đất 128, TĐĐ số 39)	1,00
34	Lương Đình Cửa	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (thửa đất 137, TĐĐ số 39)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (thửa đất 137, TĐĐ số 39)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thế Hùng (thửa đất 168, TĐĐ số 39)	1,00
35	Thủ Khoa Huân	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Long (thửa đất 58, TĐĐ số 45)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Long (thửa đất 58, TĐĐ số 45)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Hiên (thửa đất 81, TĐĐ số 45)	1,00

36	Lê Anh Xuân	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Mạnh Thế (thửa đất 73, TĐĐ số 45)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Mạnh Thế (thửa đất 73, TĐĐ số 45)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Công Hóa (thửa đất 95, TĐĐ số 45)	1,00
37	Đào Tấn	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hành (thửa đất 173, TĐĐ số 44)	1,00
38	Lý Chính Thắng	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hà Cửu Long (thửa đất 290, TĐĐ số 44)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hà Cửu Long (thửa đất 290, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Thành (thửa đất 96, TĐĐ số 46)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Thành (thửa đất 96, TĐĐ số 46)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ngô Quang Ánh (thửa đất 82, TĐĐ số 46)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ngô Quang Ánh (thửa đất 82, TĐĐ số 46)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Sin Niê (thửa đất 11, TĐĐ số 50)	1,20
39	Nguyễn Huy Tụ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Quốc Hân (thửa đất 145, TĐĐ số 25)	Cù Chính Lan	1,00
		Cù Chính Lan	Hết ranh giới Chùa Bửu Thắng (thửa đất 5, TĐĐ số 25)	1,00
40	Vũ Trọng Bình	Ngã ba Phụng Thị Chính	Ngã ba Cù Chính Lan	1,00
41	Tú Xương	Ngã ba Vũ Thục Nương	Nam Cao	1,00

42	Trần Văn Ôn	Duy Tân	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Thành (thửa đất 68, TĐĐ số 37)	1,00
43	Nam Cao	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Lâm (thửa đất 115, TĐĐ số 37)	Tú Xương	1,00
		Tú Xương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Văn Linh (thửa đất 240, TĐĐ số 43)	1,00
44	Nguyễn Thiệp	Ngã tư Trần Thủ Độ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Đức Duy (thửa đất 7, TĐĐ số 26)	1,00
45	Trần Hữu Trang	Ngã ba Đặng Nguyên Cẩn	Ngã ba Yết Kiêu	1,00
46	Lê Hồng Sơn	Ngã ba Đặng Nguyên Cẩn	Ngã ba Dã Tượng	1,00
47	Nguyễn Thái Bình	Ngã tư Trần Văn Phụ	Ngã ba Dã Tượng	1,00
48	Trần Văn Phụ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đình Kiều (thửa đất 55, TĐĐ số 59)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông ông Thân (thửa đất 12, TĐĐ số 30)	1,00
49	Võ Trung Thành	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Nhật (thửa đất 227, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Trung Lâm (thửa đất 119, TĐĐ số 52)	1,00
50	Phạm Văn Bạch	Ngã ba Lý Chính Thắng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Châu (thửa đất 18, TĐĐ số 54)	1,00
51	Đinh Văn Gió	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Trường (thửa đất 10, TĐĐ số 39)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đinh Thị Quang (thửa đất 45, TĐĐ số 40)	1,00

52	Đường giao Hùng Vương (QL 14)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trương Sá (thửa đất 12, TĐĐ số 25)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Trung (thửa đất 13, TĐĐ số 25)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hà Văn Cho (thửa đất 15, TĐĐ số 25)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Tác (thửa đất 14, TĐĐ số 25)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Mân (thửa đất 163, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông ông Ba (thửa đất 69, TĐĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chấn (thửa đất 214, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đức Thành (thửa đất 217, TĐĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Phú (thửa đất 142, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Thị Nguyên (thửa đất 134, TĐĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Quang Thạch (thửa đất 162, TĐĐ số 32)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Thế Đạo (thửa đất 178, TĐĐ số 32)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ngô Quang Hiến (thửa đất 219, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Vũ Kim Lâm (thửa đất 195, TĐĐ số 44)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuy (thửa đất 63, TĐĐ số 52)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Minh Hào (thửa đất 32, TĐĐ số 51)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Quý (thửa đất 5, TĐĐ số 52)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Quốc Toàn (thửa đất 7, TĐĐ số 52)	1,00

		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bùi Đình Lĩnh (thửa đất 315, TĐĐ số 44)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đặng Quốc Quỳnh (thửa đất 320, TĐĐ số 44)	1,00
53	Y Nuê Bkrông (Ái Phương)	Lý Chính Thắng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Dai Niê (thửa đất 29, TĐĐ số 55)	1,00
54	Y Ksor	Lý Chính Thắng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Lan B'krông (thửa đất 43, TĐĐ số 56)	1,20
55	Y Bih Alêô	Lý Chính Thắng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Bach Ktla (thửa đất 44, TĐĐ số 56)	1,20
56	A Ma Jhao	Lý Chính Thắng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Rai Niê (thửa đất 57, TĐĐ số 56)	1,20
57	Nguyễn Minh Châu	A Ma Jhao (về 2 phía)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Muk B'Krông (thửa đất 09, TĐĐ số 55, và bà H Sot Ayun (thửa đất số 15, TĐĐ số 58)	1,20
58	Lê Vụ	A Ma Jhao	Hết ranh giới thửa đất nhà bà H Lê Ktla (thửa đất 24, TĐĐ số 58)	1,20
59	Ơi Ất	Lý Chính Thắng (về 2 phía)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Blô Niê (thửa đất 76, TĐĐ số 49) và Y Mec Niê (thửa đất số 15, TĐĐ số 57)	1,20
60	Lê Hy	Lý Chính Thắng (về 2 phía)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Jony Niê (thửa đất 9, TĐĐ số 49) và Y Cuc B'Krông (thửa đất 98, TĐĐ số 57)	1,20
61	Lê Quang Đạo	Phùng Chí Kiên	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Ngô Ktla (thửa đất 72, TĐĐ số 57)	1,20

62	Phùng Chí Kiên	Ởi Ất (về 2 phía)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Phoi B'Krông (thửa đất 37, TBĐ số 49) và bà H' Blec Niê (thửa đất 28, TBĐ số 48)	1,00
63	Khu vực tổ dân phố Tân Hà 1, 2, 3, 4 và tổ dân phố Hợp Thành 1, 2, 3, 4			1,00
64	Khu vực còn lại			1,00
B	KHU VỰC NÔNG THÔN			
I	Xã Bình Thuận			
1	Đường vào Trung tâm xã	Quốc lộ 14	Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi (thửa đất 75, TBĐ số 11)	1,00
		Đầu ranh giới đất nhà thờ Mân Côi (thửa đất 75, TBĐ số 11)	Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong (thửa đất 62, TBĐ số 78)	1,00
		Hết ranh giới đất cây xăng Thịnh Phong (thửa đất 62, TBĐ số 78)	Hết ranh giới đất nhà bà Phan Thị Ngành (thửa đất 20, TBĐ số 85)	1,00
2	Khu vực ngã tư Bình Thành	Ngã tư Bình Thành (về hướng Bắc)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng (thửa đất 01, TBĐ số 67)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Phụng (thửa đất 01, TBĐ số 67)	Đường vào thôn Bình Thành 1	1,00
		Ngã tư Bình Thành (về hướng Đông)	Hết ranh giới đất nhà ông Văn Đức Nghĩa (thửa đất 89, TBĐ số 67)	1,00
3	Khu vực ngã tư Bình Hòa	Ngã tư Bình Hòa (về hướng Đông)	Hết Sân vận động của xã	1,00

		Hết Sân vận động của xã	Hết ranh giới đất nhà bà Khiêm (thửa đất 09, TĐĐ số 87)	1,00
		Ngã tư Bình Hoà (về phía Bắc)	Hết ranh giới đất Phan Thị Ngành (thửa đất 20, TĐĐ số 85)	1,00
		Ngã tư Bình Hòa (về hướng Tây)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất 79, TĐĐ số 85)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất 79, TĐĐ số 85)	Hết ranh giới nhà Ông Y Thanh Niê (thửa đất 47, tờ bản đồ 84)	1,00
		Ngã tư Bình Hòa (về hướng Nam)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín (thửa đất 88, TĐĐ số 91)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Chín (thửa đất 88, TĐĐ số 91)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Hữu Sang (thửa đất 14, TĐĐ số 42)	1,00
		Ngã ba vào đập Ea Phê	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Tuấn (thửa đất 27, TĐĐ số 42)	1,00
		Ngã ba vào thôn Bình Thành IV	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Hợp (thửa đất 59, TĐĐ số 67)	1,10
		Ngã ba vào thôn Bình Thành III	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Lương An (thửa đất 45, TĐĐ số 67)	1,10
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất 79, tờ bản đồ số 85)	Hết ranh giới nhà ông Y thanh Niê (thửa đất 47, tờ bản đồ 84)	1,00

		Hết ranh giới đất nhà bà Khiêm (thửa đất 09, tờ bản đồ 87)	Hết ranh giới xã Bình Thuận	1,20
		Đầu Buôn Jut (từ ranh giới nhà ông Y thanh Niê (thửa đất 47, tờ bản đồ 84)	Hết ranh giới xã Bình Thuận	1,20
4	Khu vực Bình Thành	Ngã ba vào thôn Bình Thành III	Hết ranh giới đất nhà ông Huỳnh Thanh Minh (thửa đất 25, TĐĐ số 27)	1,10
		Ngã ba vào thôn Bình Thành II	Hết ranh giới đất nhà ông Trần Văn Hà (thửa đất 01, TĐĐ số 68)	1,10
		Ngã ba vào thôn Bình Thành II	Hết ranh giới thửa đất ông Phạm Văn Phong (thửa đất 66, TĐĐ số 62)	1,10
		Ngã ba vào thôn Bình Thành I	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Bạo (thửa đất 22, TĐĐ số 62)	1,10
5	Khu vực Bình Minh	Ngã ba Bình Minh 3 và Bình Minh 5	Hết ranh giới đất nhà ông Mai Văn Kim (thửa đất 61, TĐĐ số 76)	1,10
		Ngã ba Bình Minh 3	Hết ranh giới đất Chùa Phở Tế (thửa đất 62, TĐĐ số 70)	1,10
		Từ cổng chào thôn Bình Minh 2	Hết ranh giới đất nhà bà Trương Thị Cúc (thửa đất 06, TĐĐ số 76)	1,10
6	Khu vực còn lại			1,00
II	Xã Cư Bao			

1	Quốc lộ 14	Đèo Hà Lan (giáp ranh giới phường Bình Tân)	Ngã ba nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram (thửa đất 17, TBĐ số 60)	1,10
		Ngã ba nhà ông Điền đường vào đập Ea Kram (thửa đất 17, TBĐ số 60)	Ngã ba nhà Thờ Công Chính- Cư Bao (thửa đất 22, TBĐ số 74)	1,10
		Ngã ba nhà Thờ Công Chính- Cư Bao (thửa đất 22, TBĐ số 74)	Ngã ba nhà ông Thành, ông Tứ (thửa đất 122, TBĐ số 79)	1,10
		Ngã ba nhà ông Thành, ông Tứ (thửa đất 122, TBĐ số 79)	Giáp ranh giới huyện CưMgar	1,10
2	Đường vào buôn Gram	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Cao Đình Phương (thửa đất 34, TBĐ số 73)	1,00
3	Đường vào đập Ea Kram	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hoà (thửa đất 29, TBĐ số 61)	1,00
4	Đường đi Bình Hoà	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Trỗi (thửa đất 38, TBĐ số 80)	1,00
		Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Trỗi (thửa đất 38, TBĐ số 80)	Ngã tư trước cổng thôn Sơn Lộc 2 (thửa đất 105, TBĐ số 80)	1,20
		Ngã tư trước cổng thôn Sơn Lộc 2 (thửa đất 105, TBĐ số 80)	Ngã ba cổng chào đường vào thôn 8 nhà ông Lành (thửa đất 37, TBĐ số 88)	1,00
		Ngã ba cổng chào đường vào thôn 8 nhà ông Lành (thửa đất 37, TBĐ số 88)	Ngã ba nhà bà Bùi Thị Liên - Thôn 8 (thửa đất 66, TBĐ số 77)	1,00

5	Đường vào chợ Cư Bao	Quốc lộ 14	Đến cổng B chợ	1,00
6	Đường vào Chùa Linh Thứu	Quốc lộ 14	Đến hết ranh giới đất trạm Y tế xã	1,00
		Hết ranh giới đất trạm Y tế xã	Nghĩa địa thôn Sơn Lộc 3	1,00
7	Đường song song với Quốc lộ 14	Dãy 1		1,00
8	Các đường giao với Quốc lộ 14	Quốc lộ 14	Dãy 1	1,00
		Dãy 1	Dãy 2	1,00
9	Các đường bao quanh chợ xã Cư Bao			1,00
10	Khu vực còn lại			1,00
III	Xã Ea BLang			
1	Đường trục chính vào xã Ea Blang	Đầu cầu buôn Tring	Hết ranh giới đất cây xăng Nhà ông Minh (thửa đất 23, TBD số 08)	1,00
		Hết ranh giới đất cây xăng nhà ông Minh (thửa đất 23, TBD số 08)	Hết ranh giới thửa đất Y Hao Mlô (thửa 54, TBD số 07)	1,00
		Hết ranh giới thửa đất Y Hao Mlô (thửa 54, TBD số 07)	Hết ranh giới đất Trung Tâm dạy nghề TX Buôn Hồ	1,00
		Hết ranh giới đất Trung Tâm dạy nghề TX Buôn Hồ	Giáp ranh giới xã Ea Siên	1,00
		Ngã ba đi xã Ea Blang và Ea Drông	Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa Thị xã Buôn Hồ	1,00
		Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa Thị xã Buôn Hồ	Giáp ranh giới xã Ea Drông	1,00
2	Khu vực chợ	Đường bao quanh chợ		1,20

3	Đường bao quanh chợ kéo dài	Nhà ông Bùi Văn Tiên (thửa đất 96, TĐĐ số 48)	Kênh cấp I - nhà ông Á (thửa đất 02, TĐĐ số 05)	1,00
4	Trần Hưng Đạo kéo dài	Cầu Rôsy	Cầu Rosy + 200m	1,00
		Cầu Rosy + 200m	Giáp xã Tân Lập huyện Krông Búk	1,00
5	Trục chính thôn Tân Lập	Nhà ông Nguyễn Thanh Hương (thửa đất 47, TĐĐ số 2)	Hết ranh giới đất nhà ông Đặng Xuân Ngọc (thửa đất 52, TĐĐ số 6)	1,00
6	Trục chính thôn Tân Tiến	Nhà ông Trần Đình Thông (thửa đất 47, TĐĐ số 3)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Khắc Nông (thửa đất 31, TĐĐ số 3)	1,00
7	Trục chính thôn Tân Tiến	Nhà ông Nguyễn Văn Trung (thửa đất 5, TĐĐ số 2)	Hết ranh giới đất nhà bà Quách Thị Thành (thửa đất 72, TĐĐ số 3)	1,00
8	Trục chính thôn Tân Hoà	Nhà ông Y Hrah Mlô (thửa đất 20, TĐĐ số 2)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Ngọc Kiều (thửa đất 57, TĐĐ số 1)	1,00
9	Trục chính buôn Trinh 4	Nhà ông Nguyễn Quang Tuấn (thửa đất 59, TĐĐ số 51)	Hết ranh giới đất nhà ông Y Liêm Niê (thửa đất 17, TĐĐ số 55)	1,00
10	Trục chính thôn Đông Xuân	Nhà ông Trần Phải (thửa đất 34, TĐĐ số 51)	Hết ranh giới đất nhà bà Trần Thị Thanh (thửa đất 104, TĐĐ số 48)	1,00
		Nhà ông Lâm Tấn Khanh (thửa đất 49, TĐĐ số 49)	Hết ranh giới đất nhà ông Hồ Ngọc Thế (thửa đất 92, TĐĐ số 51)	1,00
		Nhà ông Phạm Văn Thắng (thửa đất 116, TĐĐ số 51)	Nhà ông Nguyễn Văn Niên (thửa đất 04, TĐĐ số 12)	1,00

11	Trục chính thôn Quyết Thắng	Nhà ông Phạm Mông (thửa đất 06, TBĐ số 52)	Hết ranh giới đất nhà ông Võ Đình Mẹo (thửa đất 3, TBĐ số 47)	1,00
		Nhà ông Nguyễn Quang Châu (thửa đất 102, TBĐ số 48)	Hết ranh giới đất nhà bà Lê Thị Diễm Như (thửa đất 49, TBĐ số 47)	1,00
12	Khu vực còn lại			1,00
IV	Xã Ea Drông			
1	Trục đường 2C các tuyến đường Trung tâm xã	UBND xã Ea Drông về hướng Nam	Đầu ranh giới đất nhà ông Y Bhum Niê (thửa đất 136, TBĐ số 74)	1,00
		Đầu ranh giới đất nhà ông Y Bhum Niê (thửa đất 129, TBĐ số 74)	Ngã ba Trường tiểu học Nơ Trang Long (thửa đất 82, TBĐ số 81)	1,00
		Hết ranh giới Trường tiểu học Nơ Trang Long (thửa đất 82, TBĐ số 81)	Hết ranh giới đất nhà ông Y BLom Niê (thửa đất 82, TBĐ số 36)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Y BLom Niê (thửa đất 82, TBĐ số 36)	Đầu ranh giới nhà ông Thịnh Đông (thửa đất 943, TBĐ số 38)	1,00
		Đầu ranh giới nhà ông Thịnh Đông (thửa đất 943, TBĐ số 38)	Nông trường 49 xã Phú Xuân, huyện Krông Năng (thửa đất 46, TBĐ số 92)	1,00
		UBND xã Ea Drông về hướng Bắc	Hết ranh giới nhà ông Hoàng Tân (thửa đất 196, TBĐ số 69)	1,00
		Hết ranh giới nhà ông Hoàng Tân (thửa đất 196, TBĐ số 69)	Ngã ba Ama Luin (thửa đất 59, TBĐ số 66)	1,00

		Ngã ba Ama Luin (thửa đất 59, TBĐ số 66)	Giáp xã Ea Blang	1,00
		Ngã ba Ama Luin (thửa đất 59, TBĐ số 66)	Hết ranh giới đất nhà ông Y Trung Mlô (thửa đất 61, TBĐ số 63)	1,00
		Hết ranh giới đất nhà ông Y Trung Mlô (thửa đất 61, TBĐ số 63)	Giáp ranh giới xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	1,00
2	Khu vực còn lại			1,00
V	Xã Ea Siên			
1	Tuyến Trung tâm xã	Cổng chào thôn 1A (thửa đất 27, TBĐ số 76)	Ngã tư nhà ông Pai (thửa đất 83, TBĐ số 79)	1,00
		Ngã 5 Trung tâm xã Ea Siên	Trường tiểu học Tô Hiệu (thửa đất 83, TBĐ số 79)	1,00
2	Tuyến 1A thôn 5, thôn 2A	Trường tiểu học Tô Hiệu (thửa đất 83, TBĐ số 79)	Ngã ba trường mẫu giáo Hoa Sim (thôn 2, thửa đất 5, TBĐ số 89)	1,20
3	Tuyến đường vào Trung tâm xã	Từ nhà ông Nguyễn Hứa Hiền (thửa đất 21, TBĐ số 76)	Cổng chào thôn 1A (thửa đất 27, TBĐ số 76)	1,00
		Các tuyến đường nhựa và bê tông trung tâm cụm xã Ea siên		1,00
		Ngã 5 trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Piêu (thôn 1, thửa đất 51, TBĐ số 79)	1,00
4	Tuyến thôn 1B	Ngã tư nhà ông Lê Quang Đức (thửa đất 32, TBĐ số 76)	Cổng chào thôn 1B (thửa đất 21, TBĐ số 73)	1,00
		Cổng chào thôn 1B (thửa đất 21, TBĐ số 73)	Hết xã Ea siên	1,00

5	Tuyến thôn 5, thôn 2A, 2B	Ngã tư nhà ông Pai (thửa đất 83, TBĐ số 79)	Hết xã Ea siên	1,00
		Từ nhà ông Trần Văn Ích (thửa đất 14, TBĐ số 84)	Thửa đất 7, TBĐ số 100	1,00
6	Trục chính thôn 3	Ngã ba nhà ông Đồng (thôn 5, thửa đất 49, TBĐ số 79)	Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ (thôn 3, thửa đất 42, TBĐ số 92)	1,00
7	Tuyến thôn 7	Cổng chào thôn 7 (thửa đất 100, TBĐ số 38)	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất 776, TBĐ số 50)	1,20
8	Tuyến thôn 7 đi thôn 8	Hết ranh giới đất nhà ông Xô (thôn 7, thửa đất 776, TBĐ số 50)	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Đức (thôn 8, thửa đất 64, TBĐ số 62)	1,10
9	Tuyến buôn Dlung 2	Cầu tràn buôn Dlung 1B, giáp phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ	Nhà ông Y War Ktla (thửa đất 604, TBĐ số 37)	1,20
		Nhà ông Y War Ktla (thửa đất 604, TBĐ số 37)	Thửa đất 5, TBĐ số 75	1,20
10	Đường đi thôn 6A, 6B	Ngã ba cổng chào thôn 1B (thửa đất 21, TBĐ số 73)	Hết ranh giới đất nhà ông Chu Văn Hiền (thôn 1B, thửa đất 130, TBĐ số 41)	1,10
11	Tuyến 1A, 1B	Ngã tư ông Nông Trung Khợ	Ngã ba đất ông Hứa Văn Phiến (thửa đất 42, TBĐ số 73)	1,00
12	Khu vực còn lại			1,00